

ĐỖ QUANG AN - NGUYỄN ĐỨC CHIẾN (Chủ biên)

80

CÂU HỎI VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI
MÔN

**LỊCH SỬ VÀ ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

HƯỚNG DẪN ÔN THI
MÔN
LỊCH SỬ
ĐẢNG CỘNG SẢN
VIỆT NAM

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CÁN BỘ GIẢNG DẠY
LÝ LUẬN MÁC - LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
NĂM 2000

TẬP THỂ TÁC GIẢ

1. Giáo sư: Lê Mậu Hãn (Chủ biên)
 2. Trần Duy Khang
 3. Trịnh Văn Sùng
 4. Đinh Xuân Lý
 5. Lê Ngọc Liệu
 6. Nguyễn Thị Thủy
 7. Ngô Đăng Tri
 8. Ngô Văn Hoán
 9. Trịnh Văn Giảng
 10. Nguyễn Hữu Thu
 11. Nguyễn Kim Lan
 12. Phạm Văn Tô
 13. Nguyễn Thuý Mùi
- Người sửa chữa, bổ sung:
Lê Mậu Hãn (Giáo sư)

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	5
CÂU 1: TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH THỐNG TRỊ THUỘC ĐỊA CỦA THỰC DÂN PHÁP ĐỐI VỚI SỰ BIẾN ĐỔI XÃ HỘI, GIAI CẤP VÀ MÂU THUẬN TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX?	6
CÂU 2: CON ĐƯỜNG TỪ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC ĐẾN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC (1911- 1920) VÀ NHỮNG TƯ TƯỞNG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA NGƯỜI ĐƯỢC HÌNH THÀNH TRONG NHỮNG NĂM 20 CỦA THẾ KỶ XX?.....	8
CÂU 3: QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ VỀ CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG VÀ TỔ CHỨC CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC CHO VIỆC THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM?.....	11
CÂU 4: HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 3-2-1930. PHÂN TÍCH NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHÍNH CƯƠNG VẤN TẮT VÀ SÁCH LƯỢC VẤN TẮT CỦA ĐẢNG. Ý NGHĨA CỦA VIỆC THÀNH LẬP ĐẢNG? 13	
CÂU 5: HÃY CHỨNG MINH ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ NẮM QUYỀN LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 LÀ MỘT XU THẾ KHÁCH QUAN CỦA LỊCH SỬ?.....	17
CÂU 6: PHÂN TÍCH HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA "LUẬN CƯƠNG CHÍNH TRỊ" THÁNG 10-1930 CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG?.....	19
CÂU 7: HOÀN CẢNH LỊCH SỬ, THÀNH QUẢ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CAO TRÀO 1930 - 1931?	21
CÂU 8: HOÀN CẢNH LỊCH SỬ, THÀNH QUẢ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CAO TRÀO DÂN CHỦ 1936 – 1939?	23
CÂU 9: HOÀN CẢNH LỊCH SỬ, NỘI DUNG VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CHỦ TRƯỞNG ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỶ 1939 - 1945?.....	26
CÂU 10: HOÀN CẢNH, NỘI DUNG VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA BẢN CHỈ THỊ "NHẬT - PHÁP BẮN NHAU VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA CHÚNG TA" NGÀY 12-3-1945 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG?	29
CÂU 11: Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945?	31
CÂU 12: HOÀN CẢNH LỊCH SỬ VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BẢN CHỈ THỊ "KHÁNG CHIẾN KIẾN QUỐC" THÁNG 11-1945 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG?	34
CÂU 13: ĐẢNG TA ĐÃ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TA THỰC HIỆN NHỮNG BIỆN PHÁP GÌ ĐỂ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG NHỮNG NĂM 1945 - 1954?	36
CÂU 14: TẠI SAO THÁNG 12-1946, ĐẢNG ĐÃ QUYẾT ĐỊNH PHÁT ĐỘNG CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC. PHÂN TÍCH NỘI DUNG CƠ BẢN ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CỦA ĐẢNG?.....	39
CÂU 15. TRÌNH BÀY TÓM TẮT NỘI DUNG CƠ BẢN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM ĐƯỢC VẠCH RA TRONG "CHÍNH CƯƠNG ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM" DO ĐẠI HỘI LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG THÁNG 2 - 1951?	42
CÂU 16: TRONG TIỀN TRÌNH KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1954), ĐẢNG TA LÃNH ĐẠO QUÂN VÀ DÂN TA XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỰC LỰC KHÁNG CHIẾN TOÀN DIỆN NHƯ THẾ NÀO? ..	44
CÂU 17: PHÂN TÍCH Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN THỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ CAN THIỆP MỸ (1946 - 1954)?	47

CÂU 18: PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NƯỚC TA SAU KHI HOÀ BÌNH LẬP LẠI (7-1954) VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM DO ĐẠI HỘI LẦN THỨ III CỦA ĐẢNG THÁNG 9 NĂM 1960 VẠCH RA?	49
CÂU 19: HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG LẦN THỨ 15 (1-1959) VÀ ĐẠI HỘI LẦN THỨ III CỦA ĐẢNG (9-1960) ĐÃ PHÂN TÍCH TÍNH CHẤT XÃ HỘI MIỀN NAM VÀ VẠCH RA ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG MIỀN NAM NHƯ THẾ NÀO?	52
CÂU 20: QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975?	55
CÂU 21: ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC DO ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐỀ RA (9-1960)?	60
CÂU 22: ĐẶC ĐIỂM, Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA ĐẢNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC?	62
CÂU 23: NHỮNG THÀNH QUẢ VÀ Ý NGHĨA CỦA SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975 ?	65
CÂU 24: ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG (12-1986) ĐÃ KIỂM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ THÀNH TỰU VÀ THIẾU SÓT, KHUYẾT ĐIỂM CỦA 10 NĂM (1975-1986) ĐƯA ĐẤT NƯỚC TIẾN LÊN THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA NHƯ THẾ NÀO?	68
CÂU 25: ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII CỦA ĐẢNG (THÁNG 6-1991) ĐÃ ĐÁNH GIÁ VỀ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI Ở NƯỚC TA TRONG NHỮNG NĂM 1987 - 1991 NHƯ THẾ NÀO?	72
CÂU 26: NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN CHỈ ĐẠO QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG "CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI"?	76
CÂU 27: ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VII VÀ 10 NĂM ĐỔI MỚI (1986-1996)	79
CÂU 28: NHỮNG BÀI HỌC CHỦ YẾU CỦA 10 NĂM ĐỔI MỚI LÀ GÌ?	81
CÂU 29: NHỮNG THÀNH TỰU VÀ BÀI HỌC SAU 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG (1995-2000)	83
CÂU 30: PHÂN TÍCH NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ Ý NGHĨA CỦA BÀI HỌC KINH NGHIỆM NẮM VỮNG NGỌN CỜ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI?	84
CÂU 31: NỘI DUNG VÀ Ý NGHĨA CỦA BÀI HỌC KINH NGHIỆM TĂNG CƯỜNG ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ ?	87
CÂU 32: CHỨNG MINH ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÀ NHÂN TỐ CƠ BẢN LÃNH ĐẠO VÀ TỔ CHỨC MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM?	90

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Để phục vụ việc dạy và học tập các bộ môn lý luận chính trị Mác Lênin trong hệ thống trường Đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội tái bản, có sửa chữa và bổ sung cuốn Hướng dẫn ôn thi môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sách do Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ giảng dạy lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Tư tưởng - Văn hoá trước đây tổ chức biên soạn và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tái bản.

Sách được trình bày dưới dạng Hỏi - Đáp, nội dung bảo đảm tính hệ thống, có trọng điểm và bám sát yêu cầu chương trình bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần tái bản sau có chất lượng hơn.

Tháng 3 năm 2000

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Câu 1: Tác động của chính sách thống trị thuộc địa của thực dân Pháp đối với sự biến đổi xã hội, giai cấp và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?

1. Chính sách thống trị thuộc địa của Pháp ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Sau khi cơ bản kết thúc giai đoạn xâm lược vũ trang, thực dân Pháp đã thi hành chính sách thống trị nô dịch và bóc lột rất tàn bạo đối với dân tộc ta.

- Về chính trị: Thi hành chế độ chuyên chế, trực tiếp nắm mọi quyền hành; "chia để trị", thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ, thẳng tay đàn áp và khủng bố.

Về kinh tế: Tiến hành các chính sách khai thác để cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của tư bản Pháp; độc quyền về kinh tế để dễ bề vơ vét; độc quyền quan thuế và phát hành giấy bạc; duy trì hình thức bóc lột phong kiến; kìm hãm nền kinh tế Việt Nam trong vòng lạc hậu; làm cho kinh tế nước ta phụ thuộc vào kinh tế Pháp.

- Về văn hoá xã hội: Thi hành chính sách ngu dân, nô dịch, gây tâm lý tự ti vong bản, đầu độc nhân dân bằng thuốc phiện và rượu cồn, hủ hoá thanh niên bằng tiêm chấy, sòng bạc, khuyến khích mê tín dị đoan, ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hoá tiến bộ thế giới vào Việt Nam...

2. Tác động của chính sách thống trị thuộc địa đối với xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

- Việt Nam đã biến đổi từ một xã hội phong kiến thành một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mất hẳn quyền độc lập, phụ thuộc vào nước Pháp về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hoá.

- Các giai cấp xã hội bị biến đổi:

+ Giai cấp phong kiến địa chủ đầu hàng đế quốc, dựa vào chúng để áp bức, bóc lột nhân dân.

+ Giai cấp nông dân bị bần cùng hoá và phân hoá sâu sắc.

+ Các giai cấp mới xuất hiện như: giai cấp tư sản (tư sản dân tộc và tư sản mại bản); giai cấp công nhân ra đời và trưởng thành; giai cấp tiểu tư sản ngày càng đông đảo.

- Xã hội Việt Nam có hai mâu thuẫn cơ bản:

+ Một là: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp và bọn tay sai.

+ Hai là: mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam, chủ yếu là giai cấp nông dân, với giai cấp địa chủ phong kiến.

Hai mâu thuẫn đó gắn chặt với nhau, trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với chủ nghĩa đế quốc Pháp và tay sai phản động là mâu thuẫn chủ yếu. Mâu thuẫn đó ngày càng trở nên sâu sắc và gay gắt.

Giải quyết các mâu thuẫn đó để mở đường cho đất nước phát triển là yêu cầu cơ bản và bức thiết của cách mạng nước ta lúc bấy giờ.

Câu 2: Con đường từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin của Nguyễn Ái Quốc (1911- 1920) và những tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Người được hình thành trong những năm 20 của thế kỷ XX?

1. Con đường từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin của Nguyễn Ái Quốc

Mấy chục năm đầu thế kỷ XX, các cuộc vận động chống Pháp cứu nước của nhân dân ta liên tiếp bị thực dân Pháp dìm trong bể máu. Phong trào yêu nước bế tắc, chưa xác định được đường lối đúng đắn.

Giữa lúc đó, Nguyễn Tất Thành (tức Nguyễn Ái Quốc) đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước mới, đã bôn ba khắp năm châu bốn biển xem xét tình hình, nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm của cách mạng các nước nhất là cách mạng Mỹ và cách mạng Pháp; đã lao động và tham gia đấu tranh trong hàng ngũ giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở nhiều nước để có kiến thức và kinh nghiệm về giúp nước mình. Người nhận xét: Ở đâu bọn thực dân thống trị cũng đều tàn ác, ở đâu nhân dân lao động cũng đều bị áp bức, bóc lột, cũng quật khởi và cần được giải phóng.

- Sau khi cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thành công, Người đã hướng đến cuộc Cách mạng Tháng Mười và chịu ảnh hưởng của cuộc cách mạng vĩ đại đó.

Năm 1919, Người gửi đến Hội nghị Vécxay (của các nước đế quốc thắng trận sau Chiến tranh thế giới thứ I) bản yêu sách đòi Chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Yêu sách đó cũng được Hội nghị chấp nhận. Từ đó, Người rút ra kết luận quan trọng: Các dân tộc bị áp bức muốn được độc lập tự do thật sự, trước hết phải dựa vào lực lượng của bản thân mình, phải tự mình giải phóng cho mình.

- Tháng 7-1920, bản Sơ thảo lần thứ nhất đề cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin đã đến với Nguyễn Ái Quốc.

Nó đã đáp ứng đúng nguyện vọng tha thiết mà Người đang ấp ủ: độc lập cho dân tộc, tự do cho đồng bào. Người viết: "Bản luận cương làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao!...". Người dứt khoát đi theo con đường của Lênin.

- Tháng 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua; đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III và thành lập Đảng Cộng sản Pháp vì cương lĩnh của Quốc tế III cũng như của Đảng Cộng sản Pháp đều quan tâm đến phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa. Người đã từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản; đã tìm được con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. Ngay từ lúc đó, Người đã nói: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản".

2. Những quan điểm tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc

- Chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, là kẻ thù trực tiếp nguy hại nhất của nhân dân các nước thuộc địa.

- Cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận cách mạng trong thời đại đế quốc và cách mạng vô sản. Giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng nhân dân lao động, giải phóng giai cấp công nhân.

- Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và cách mạng vô sản ở "chính quốc" có quan hệ khăng khít với nhau vì chủ nghĩa đế quốc như một con đĩa có 2 vôi: một vôi hút máu giai cấp công nhân và những người lao động ở "chính quốc" còn một vôi hút máu các dân tộc thuộc địa. Muốn đánh đổ bọn đế quốc thì phải cắt cả 2 cái vôi ấy. Phải thực hiện sự liên minh chiến đấu giữa các lực lượng cách mạng ở thuộc địa và "chính quốc". Cách mạng thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở "chính quốc" mà có tính chủ động, độc lập và có thể thành công trước cách mạng ở chính quốc và góp phần đẩy mạnh cách mạng ở chính quốc tiến lên.

- Giương cao ngọn cờ chống đế quốc và bọn phong kiến tay sai, giành độc lập, tự do là tư tưởng chiến lược cách mạng đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng thuộc địa.

- Cách mạng ở thuộc địa, trước hết là giải phóng dân tộc, mở đường tiến lên giải phóng hoàn toàn lao động, giải phóng con người, tức là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Về lực lượng cách mạng: "công nông là người chủ cách mệnh", "là gốc cách mệnh"; công nhân là giai cấp lãnh đạo; tiểu tư sản, trí thức là bạn đồng minh của cách mạng.

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Quần chúng cần được giác ngộ và tổ chức lại thành đội ngũ vững bền; được hiểu biết tình thế "có mưu lược".

- Phải thực hiện sự liên minh, đoàn kết với các lực lượng cách mạng quốc tế; phải nêu cao tính chủ động cách mạng, ý thức tự lực tự cường.

- Phải có Đảng lãnh đạo. Đảng phải có học thuyết cách mạng, đó là học thuyết Mác - Lênin, phải biết vận dụng đúng đắn học thuyết đó vào hoàn cảnh Việt Nam.

Hệ thống quan điểm cách mạng đúng đắn và sáng tạo đó là nội dung tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin của Người. Hệ thống quan điểm cách mạng đó được truyền vào Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, là ngọn cờ hướng đạo cho cách mạng Việt Nam đi đúng quỹ đạo cách mạng vô sản thế giới, là cơ sở lý luận cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 3: Quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Nguyễn Ái Quốc cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917), phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ. Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất đề cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin và đã đi đến một sự lựa chọn dứt khoát con đường giải phóng dân tộc do Lênin vạch ra.

Tháng 12 năm 1920, tại Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ III và biểu quyết sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc trở thành chiến sĩ cộng sản đầu tiên của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Nguyễn Ái Quốc tích cực xúc tiến việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về mặt tư tưởng và chính trị:

Người đã viết bài đăng các báo: "Người cùng khổ" do Người sáng lập, báo "Nhân đạo" - cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, báo "Đời sống công nhân" - tiếng nói của giai cấp công nhân, báo Sự thật (Liên Xô), Tạp chí thư tín Quốc tế cộng sản), báo Thanh niên (Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội)... và các tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp", "Đường cách mệnh" mang tên Người. Qua nội dung các bài báo và các tác phẩm đó, Người tập trung lên án chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân nói chung và chủ nghĩa thực dân Pháp. Người vạch trần bản chất xâm lược, phản động, bóc lột, đàn áp tàn bạo của chủ nghĩa thực dân. Bằng những dẫn chứng cụ thể, sinh động, Người đã tố cáo trước dư luận Pháp và thế giới tội ác tày trời của thực dân Pháp đối với nhân dân các nước thuộc địa. Đặc biệt, Người đã trình bày các quan điểm lý luận về cách mạng thuộc địa một cách đúng đắn, sáng tạo và khá hoàn chỉnh. (Xem mục 2 dưới tiêu đề: Những quan điểm tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc, thuộc đề số 2). Hệ thống quan điểm đó được

truyền vào Việt Nam nhằm chuẩn bị về tư tưởng và chính trị cho việc thành lập Đảng.

Về mặt tổ chức:

Tháng 12-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), Người tham gia sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á - Đông để thống nhất hành động chống chủ nghĩa thực dân.

Tháng 6-1925, Người thành lập "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội", tổ chức trung kiên là "Cộng sản đoàn" làm nòng cốt để trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam; mở nhiều lớp huấn luyện đào tạo một số thanh niên yêu nước Việt Nam thành những cán bộ cách mạng, trong đó, một số được chọn đi học ở Trường đại học Phương Đông (Liên Xô); một số được cử đi học quân sự, phần lớn sau này được đưa về nước hoạt động.

Hệ thống quan điểm, lý luận về con đường cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trở thành tư tưởng cách mạng hướng đạo phong trào dân tộc và các tổ chức chính trị theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn đến sự ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam:

Đông Dương cộng sản đảng (6-1929), An Nam cộng sản đảng (7-1929) và Đông Dương cộng sản liên đoàn (9-1929).

Từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 2 năm 1930, Hội nghị thống nhất Đảng đã họp tại Cửu Long Hương Cảng), dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc đã nhất trí hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng và Điều lệ vắn tắt của các hội quần chúng; thông qua lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc thảo. Các văn kiện quan trọng của Đảng được Hội nghị thông qua là Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 4: Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3-2-1930. Phân tích nội dung cơ bản của Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt của Đảng. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng?

1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3-2-1930

Trong những năm 1924-1929, phong trào công nhân Việt Nam phát triển mạnh với ý thức giai cấp và ý thức chính trị ngày càng rõ rệt đã tạo thành làn sóng cách mạng dân tộc, dân chủ mạnh mẽ, trong đó, giai cấp công nhân đã thật sự trở thành lực lượng chính trị độc lập, tạo ra những điều kiện chín muồi cho sự phân hoá tích cực trong "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội" và trong Đảng Tân Việt dẫn đến việc hình thành những tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Đó là: Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn. Các tổ chức này hoạt động riêng rẽ, tranh giành quần chúng. Thực tiễn đó đòi hỏi cấp thiết phải có sự lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ của một chính đảng duy nhất của giai cấp công nhân Việt Nam.

Quốc tế cộng sản đã gửi thư cho những người cộng sản ở Đông Dương, kêu gọi thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất.

- Được sự uỷ nhiệm của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị đại biểu các tổ chức cộng sản ở Hương Cảng từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930 để hợp nhất thành một Đảng Cộng sản duy nhất.

Tham gia hội nghị có hai đại biểu của Đông Dương cộng sản đảng, hai đại biểu của An Nam cộng sản đảng.

Hội nghị đã nghe Nguyễn Ái Quốc phân tích tình hình trong nước và ngoài nước, phê bình những hành động thiếu thống nhất giữa các tổ chức cộng sản, đề nghị các tổ chức cộng sản đoàn kết, thống nhất lại thành một đảng duy nhất.

Các đại biểu nhất trí bỏ thành kiến, thành thật hợp tác để thống nhất thành một Đảng cộng sản duy nhất, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt của Đảng về cách tổ chức các đoàn thể quần chúng và điều lệ tóm tắt của công hội, nông hội, hội thanh niên, hội phụ nữ, hội phản đế đồng minh (tức là mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc).

- Vạch kế hoạch tiến hành hợp nhất các tổ chức cộng sản ở trong nước và cử Ban Chấp hành Trung ương lâm thời.

Nguyễn Ái Quốc đã ra lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng.

2. Nội dung cơ bản của Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt của Đảng

Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng 3-2-1930 tuy còn sơ lược, nhưng đã vạch ra đường lối cơ bản, đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng.

Nội dung của Cương lĩnh tóm tắt:

- Đường lối chiến lược của cách mạng: Trên cơ sở phân tích tình hình kinh tế, giai cấp, xã hội nước ta, Cương lĩnh viết: "Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".

- Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là đánh đuổi đế quốc Pháp xâm lược và đánh đổ bọn phong kiến tay sai, làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do; tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, phong kiến để làm của công và chia cho dân nghèo; chuẩn bị và lãnh đạo nông dân nghèo làm cách mạng ruộng đất, quốc hữu hoá toàn bộ xí nghiệp của bọn đế quốc; thành lập chính phủ công nông binh và tổ chức quân đội công nông.

Các nhiệm vụ trên bao hàm cả nội dung dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và chống phong kiến. Song, nổi bật lên là nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai phản động, giành độc lập, tự do cho dân tộc.

- Lực lượng để đánh đổ đế quốc và phong kiến trước hết là công nông. Đảng phải thu phục cho được công nông và làm cho giai cấp công nhân lãnh đạo được đông đảo quần chúng ; đồng thời

"Phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ về phía vô sản giai cấp". Đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư sản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng hoặc trung lập. Bộ phận nào đã rõ mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ. Trong khi liên lạc tạm thời với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường lối thoả hiệp. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng.

Đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn phong kiến, "làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập", "lập ra chính phủ công binh" và "quân đội công nông" bằng phương pháp bạo lực cách mạng, bằng sức mạnh mọi mặt của quần chúng, chứ không phải bằng con đường cải lương, thoả hiệp.

- Cách mạng Việt Nam là bộ phận của Cách mạng thế giới, phải đoàn kết với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản quốc tế, nhất là giai cấp công nhân Pháp.

- Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp", cho nên Đảng có trách nhiệm thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng; "phải thu phục cho được đại đa số dân cày và phải dựa chắc vào dân cày nghèo", phải liên lạc với các giai cấp cách mạng và các tầng lớp yêu nước để đoàn kết họ lại. Đảng là một khối thống nhất ý chí và hành động. Đảng viên phải "hăng hái tranh đấu cẩn thận và dám hy sinh, phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phần đấu trong một bộ phận Đảng".

3. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng

- Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam mang tầm vóc một Đại hội thành lập Đảng. Hội nghị đã quy tụ toàn bộ phong trào công nhân và phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của một đội tiên phong duy nhất của cách mạng, với đường lối cách mạng đúng đắn, dẫn tới sự thống nhất về tư tưởng và hành động của phong trào cách mạng cả nước.

- Đảng ra đời đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong lịch sử cách mạng nước ta, chấm dứt thời kỳ cách mạng ở trong tình trạng "đen tối như không có đường ra", chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước, là sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam từ đó về sau.

- Đảng ra đời là biểu hiện sự xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam, khẳng định quá trình từ đấu tranh tự phát đến đấu tranh tự giác.

- Đảng ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới. Đảng là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ này.

Hồ Chí Minh đã viết: "Việc thành lập Đảng là bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng".

Câu 5: Hãy chứng minh Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 là một xu thế khách quan của lịch sử?

1. Tác động của chính sách thống trị, khai thác thuộc địa của thực dân Pháp

Dưới tác động của chính sách thống trị, khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam đã chuyển từ xã hội phong kiến sang xã hội thuộc địa, với hai mâu thuẫn cơ bản : mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa nhân dân ta (chủ yếu là nông dân) với giai cấp địa chủ phong kiến. Giải quyết mâu thuẫn đó để đưa xã hội tiến lên theo đúng xu thế của thời đại là yêu cầu tất yếu khách quan của lịch sử.

Từ đầu thế kỷ XX, do ảnh hưởng của phong trào dân chủ tư sản thế giới và những chuyển biến kinh tế - xã hội Việt Nam, phong trào dân tộc ở nước ta tiếp tục phát triển, nhiều tổ chức chính trị theo hướng dân chủ tư sản đã xuất hiện:

- Phong trào Đông Du (1906 - 1908) do nhà yêu nước Phan Bội Châu lãnh đạo.

- Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (1907) diễn ra khá sôi nổi dưới các hình thức tuyên truyền cải cách, cổ vũ lòng yêu nước.

- Phong trào Duy Tân (1906 - 1908) nhằm vận động cải cách văn hoá, xã hội, đả kích bọn vua quan phong kiến thối nát.

- Tổ chức Việt Nam Quang phục hội (1912) nhằm mục đích "đánh đuổi quân Pháp, khôi phục nước Việt Nam".

- Phong trào yêu nước của các tầng lớp tiểu tư sản thành thị phát triển mạnh như phong trào đấu tranh đòi trả tự do cho cụ Phan Bội Châu (1925), tổ chức đám tang cụ Phan Chu Trinh.

- Việt Nam quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học sáng lập (25-12-1927) là một đảng chính trị theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản. Mục đích của đảng này là đánh đuổi giặc Pháp, lật đổ chế

độ phong kiến, thiết lập dân quyền. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930) biểu thị tinh thần phản kháng quyết liệt của giai cấp tư sản Việt Nam chống lại sự áp bức của thực dân Pháp. Sự thất bại của cuộc khởi nghĩa đã bộc lộ tính chất non yếu, bất lực của giai cấp tư sản và các tầng lớp tiểu tư sản trong vai trò cách mạng dân tộc.

Các phong trào đó không đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc và đều bị thực dân Pháp đàn áp.

2. Khuynh hướng cứu nước theo con đường cách mạng vô sản

Năm 1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước và đã lựa chọn đúng đắn con đường giải phóng dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản.

Nguyễn Ái Quốc tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng tiên phong cách mạng ở Việt Nam. Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ra đời, trực tiếp truyền bá lý luận Mác - Lênin, lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc vào Việt Nam, làm dấy lên trong cả nước một phong trào dân tộc dân chủ sôi nổi. Đảng Tân Việt cũng ra đời. Khuynh hướng cách mạng vô sản phát triển mạnh làm xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng vạch rõ đường lối chiến lược thực hiện cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để tiến lên xã hội cộng sản...

Như vậy, sau một thời kỳ dài, kể từ đầu thế kỷ XX, lịch sử dân tộc ta đã lần lượt khảo nghiệm đủ các cương lĩnh cứu nước khác nhau và cuối cùng chỉ còn Đảng Cộng sản Việt Nam là có khả năng nắm ngọn cờ dân tộc, đấu tranh giải phóng dân tộc, lãnh đạo cách mạng Việt Nam tiến lên.

Mới ra đời, Đảng đã giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, từng bước giành thắng lợi trong cuộc cách mạng phản đế và phản phong kiến.

Câu 6: Phân tích hoàn cảnh lịch sử ra đời và nội dung cơ bản của "Luận cương chính trị" tháng 10-1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương?

1. Hoàn cảnh lịch sử

Cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Hội nghị thành lập Đảng tháng 2-1930 thông qua mới chỉ phác ra những nét cơ bản nhất về đường lối cách mạng Việt Nam. Yêu cầu khách quan đòi hỏi Đảng phải có một cương lĩnh đầy đủ, toàn diện hơn.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, một cao trào cách mạng rộng lớn của quần chúng diễn ra ngày càng sôi nổi và đang trên đà phát triển mạnh.

Tháng 4-1930, đồng chí Trần Phú sau một thời gian học ở Liên Xô, được Quốc tế cộng sản cử về nước hoạt động và được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được giao nhiệm vụ soạn thảo "Luận cương chính trị".

Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 10-1930, Hội nghị quyết định đổi tên đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương, cử ra Ban chấp hành Trung ương chính thức, đồng chí Trần Phú được cử làm Tổng bí thư. Hội nghị đã thông qua "Luận cương chính trị".

2. Nội dung cơ bản

"Luận cương chính trị" gồm 13 mục, trong đó, tập trung những vấn đề lớn:

Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn, trước hết làm cách mạng tư sản dân quyền, bỏ qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng tư sản dân quyền có nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống phong kiến. Hai nhiệm vụ này có mối quan hệ khăng khít với nhau.

Giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng, vô sản là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Luận cương cũng phân tích rõ thái độ đối với cách mạng của các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội.

Cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng bạo lực, con đường khởi nghĩa vũ trang. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền "không phải là một việc thường", mà là một nghệ thuật "phải theo khuôn phép nhà binh".

Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, đội tiên phong của giai cấp vô sản, là điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng. Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng; phải liên hệ mật thiết với quần chúng, với vô sản và các dân tộc thuộc địa, với các lực lượng cách mạng thế giới.

Nói tiếp và kế thừa những định hướng lớn được vạch rõ từ Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, "Luận cương chính trị" tháng 10-1930 đã xác định những vấn đề rất cơ bản trong đường lối chiến lược của Đảng ta. Tư tưởng lớn bao trùm của Cương lĩnh chính trị tháng 10-1930 vẫn là quán triệt định hướng gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Song bên cạnh đó, Cương lĩnh này vẫn còn những hạn chế như chưa chỉ ra được mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa, chưa xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu. Trong khi nhấn mạnh vai trò của công nông, chưa chú ý đúng mức đến vai trò, vị trí và khả năng cách mạng của các giai cấp và tầng lớp khác. Nói một cách cụ thể là đã nhấn mạnh một chiều đến đấu tranh giai cấp, chưa quan tâm thích đáng đến vấn đề dân tộc. Khởi dậy tinh thần yêu nước vốn là truyền thống lâu đời của dân tộc ta; sách lược và phương pháp cách mạng chừng nào đã còn thiếu linh hoạt, mềm dẻo. Những hạn chế nói trên, sau đó ít lâu, đã được các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tiếp theo khắc phục.

Câu 7: Hoàn cảnh lịch sử, thành quả và bài học kinh nghiệm của cao trào 1930 - 1931?

1. Hoàn cảnh lịch sử của cao trào 1930 - 1931

Vào năm 1929 - 1933, thế giới tư bản chủ nghĩa bị khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Đế quốc Pháp trút tất cả gánh nặng cuộc khủng hoảng ở Pháp lên vai các thuộc địa. Đông Dương bị kéo vào cuộc khủng hoảng đó nên đã chịu những hậu quả thảm khốc: nông dân bị phá sản, bị chết đói; công nhân ngày càng bị bóc lột nặng nề, thất nghiệp; giai cấp tư sản vừa ra đời đã bị tư sản Pháp bóp nghẹt.

Hành động đàn áp, khủng bố của thực dân Pháp diễn ra khắp nơi gây không khí chính trị căng thẳng. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp ngày càng gay gắt đẩy nhân dân ta vùng lên đấu tranh mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn với kẻ thù để giành lấy cuộc sống.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo cuộc đấu tranh chống đế quốc và phong kiến. Cơ sở đảng tuy chưa nhiều, song đã trở thành hạt nhân của phong trào cách mạng. Những tổ chức quần chúng cách mạng được thành lập ở nhiều nơi. Đường lối của Đảng đã phản ánh đúng nguyện vọng của quần chúng, được tuyên truyền rộng rãi, làm cho ý thức giác ngộ của quần chúng ngày một nâng cao.

Phong trào đấu tranh của quần chúng đã bùng lên mạnh mẽ dẫn đến Cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh.

2. Thành quả và bài học kinh nghiệm của cao trào 1930 - 1931

Cao trào 1930 - 1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh phản ánh đường lối chống đế quốc và phong kiến trong Cương lĩnh của Đảng là đúng đắn. Khối liên minh giữa hai giai cấp công nhân và nông dân đã được thiết lập trong thực tế đấu tranh.

Đảng đã xác lập được quyền lãnh đạo, kiểm nghiệm được đường lối, rèn luyện được đội ngũ cán bộ, đảng viên của mình. Bản thân quần chúng qua cao trào đã tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng - lực lượng duy nhất có thể đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi, đồng thời cũng tin tưởng vào khả năng cách mạng của bản thân mình. Cao trào cách mạng 1930 -1931 là một cuộc tổng diễn tập giành chính quyền của nhân dân ta và Đảng ta.

- Cao trào 1930 - 1931 đã để lại cho Đảng ta những kinh nghiệm bước đầu về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược: chống đế quốc và chống phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; kết hợp phong trào cách mạng ở đô thị; kết hợp các hình thức tổ chức và đấu tranh cách mạng của quần chúng.

- Tuy nhiên do nhấn mạnh một chiều đến vấn đề giai cấp mà chưa quan tâm thích đáng đến vấn đề dân tộc nên trong cao trào 1930 - 1931, vấn đề sách lược và phương pháp cách mạng chừng nào đó còn thiếu linh hoạt, mềm dẻo do đó mặt trận phản đế chưa được phát triển rộng rãi.

Câu 8: Hoàn cảnh lịch sử, thành quả và bài học kinh nghiệm của cao trào dân chủ 1936 – 1939?

1. Hoàn cảnh lịch sử của Cao trào dân chủ 1936 - 1939

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới của chủ nghĩa tư bản đẩy những mâu thuẫn vốn có của chúng ngày càng sâu sắc Chủ nghĩa phátxít đã ra đời. Đó là nền chuyên chính độc tài nhất, tàn bạo nhất, sô vanh nhất, hiếu chiến nhất của bọn tư bản tài chính phản động. Chuyên chính phát xít đã được thiết lập, tiêu biểu ở Đức - Ý - Nhật và một số nước khác. Phong trào chống phát xít nhanh chóng lan rộng ở nhiều nước đã thu hút các lực lượng có xu hướng chính trị khác nhau.

Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản nhận định: "lực lượng phản cách mạng phátxít đang tấn công vào chế độ dân chủ tư sản, đang ra sức bắt những người lao động phải sống dưới chế độ bóc lột và bị đàn áp dã man nhất, ngày nay trong nhiều nước tư bản chủ nghĩa; quần chúng lao động phải lựa chọn một cách cụ thể không phải giữa chuyên chính vô sản với chế độ dân chủ tư sản mà là giữa chế độ dân chủ tư sản với chủ nghĩa phátxít".

Vậy kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân dân thế giới lúc này không phải là chủ nghĩa tư bản hoặc chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phátxít, nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân quốc tế là đấu tranh chống chủ nghĩa phátxít giành dân chủ và hoà bình. Giai cấp công nhân quốc tế phải thống nhất hàng ngũ của mình, lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

Đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, "vấn đề mặt trận thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt".

Đại hội VII của Quốc tế cộng sản đã giúp Đảng ta trong việc phân tích tình hình, đề ra nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Ở Pháp, Mặt trận Nhân dân Pháp được thành lập (5-1935) đã giành được thắng lợi trong cuộc Tổng tuyển cử năm 1936, một chính phủ tiến bộ - chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp ra đời.

Ở nước ta, Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã tác động sâu sắc đến đời sống các giai cấp, các tầng lớp nhân dân lao động, đến cả các nhà tư sản, địa chủ hạng vừa và nhỏ. Bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn thi hành chính sách bóc lột, vơ vét và khủng bố, đàn áp dã man phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Tháng 7-1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Thượng Hải (Trung Quốc) do đồng chí Lê Hồng Phong chủ trì, Hội nghị nhận định: Nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ đế quốc Pháp, giành độc lập dân tộc, xoá bỏ giai cấp địa chủ, thực hiện người cày có ruộng không hề thay đổi, nhưng chưa phải là nhiệm vụ cách mạng trực tiếp trong lúc này. Yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân Đông Dương là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống. Phải thành lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi "bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau đấu tranh đòi những điều dân chủ đơn sơ...".

Hội nghị đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược với mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng nước ta. Do đó, đã nhanh chóng đưa phong trào cách mạng của quần chúng lên một giai đoạn mới.

2. Thành quả và bài học kinh nghiệm của Cao trào dân chủ 1936 - 1939

Thực hiện chủ trương, chính sách mới, Đảng đã vượt qua bao trở lực, khó khăn do sự đàn áp của kẻ thù, sự phá hoại của bọn trótkít, những xu hướng sai lầm, tả hữu khuynh trong nội bộ phong trào. Đảng đã thu được nhiều thắng lợi có ý nghĩa to lớn:

Uy tín của Đảng lan rộng, thấm sâu vào những tầng lớp quần chúng rộng rãi; đã động viên, giáo dục chính trị, xây dựng tổ chức, đoàn kết đấu tranh cho hàng triệu quần chúng, thông qua những cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh tư tưởng rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, từ nhà máy đến đồn điền, hầm mỏ đến các làng mạc, thôn xóm. Thắng lợi to lớn đó tạo nên những tiền đề

để Đảng đưa quần chúng vào những trận chiến đấu kiên quyết sau này.

Những bài học kinh nghiệm:

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu trước mắt, xác định đúng kẻ thù, nhiệm vụ cụ thể và khẩu hiệu sát hợp để động viên quần chúng lên trận tuyến cách mạng.

- Kết hợp hoạt động bất hợp pháp và hoạt động công khai, hợp pháp, sử dụng mọi hình thức tổ chức và đấu tranh, chống khuynh hướng bảo thủ, rụt rè, đồng thời chống chủ nghĩa công khai, hợp pháp, không coi trọng xây dựng đảng bí mật và hoạt động bất hợp pháp của Đảng, sẵn sàng về tư tưởng và tổ chức để chuyển hướng hoạt động khi tình hình thay đổi đột ngột.

- Phải giữ vững sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng, giữ nghiêm kỷ luật trong Đảng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực tự động công tác, phát huy sáng kiến của từng đảng viên, từng chi bộ đảng.

- Phấn đấu xây dựng một mặt trận thống nhất dân chủ rộng rãi, vững mạnh do Đảng lãnh đạo. Có đường lối sách lược liên minh đúng đắn với các bạn đồng minh, đập tan mọi âm mưu và thủ đoạn xuyên tạc, phá hoại của bọn phản động.

Câu 9: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa lịch sử của chủ trương điều chỉnh chiến lược cách mạng của Đảng trong thời kỳ 1939 - 1945?

1. Hoàn cảnh lịch sử

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính phủ Pháp đã tham chiến. Ở Đông Dương, thực dân Pháp đã thi hành chính sách thống trị thời chiến.

Trước sự biến động lớn đó, Đảng đã kịp thời điều chỉnh chiến lược, định ra chủ trương, chính sách mới cho phù hợp với tình hình mới.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11-1939), đặc biệt là Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5 - 1941), do Nguyễn Ái Quốc chủ trì, đã khẳng định nội dung, tư tưởng điều chỉnh chiến lược trong thời kỳ mới. Đường lối của Đảng về cách mạng giải phóng dân tộc đã được bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh.

2. Nội dung chủ yếu của chủ trương điều chỉnh chiến lược cách mạng

Thứ nhất, Đảng đã kịp thời điều chỉnh chiến lược, nhằm tập trung giải quyết nhiệm vụ hàng đầu là đánh đổ đế quốc và tay sai, giành độc lập dân tộc.

Trong "Thông cáo cho các đồng chí ở các cấp" ngày 29-9-1939, Trung ương Đảng vạch rõ: "Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng... Tất cả các đồng chí phải thấu hiểu vấn đề dân tộc giải phóng..., gây cho tất cả các tầng lớp dân chúng hiểu biết tinh thần dân tộc giải phóng". Trung ương Đảng xác định kẻ thù cụ thể, nguy hiểm nhất của cách mạng Đông Dương không phải là đế quốc và giai cấp địa chủ phong kiến nói chung, mà là chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai phản bội dân tộc. "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng, để tranh lấy giải phóng

dân tộc". "Nhiệm vụ giải phóng dân tộc, độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta"; "trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn phải chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"; "trong giai đoạn hiện tại... nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp ngựa trâu muôn đời, mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được". "Cuộc cách mạng ở Đông Dương là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng".

Thứ hai, sau khi giành độc lập, các dân tộc sống trên bán đảo Đông Dương muốn lập ra một chính phủ liên bang hay đứng riêng thành một quốc gia độc lập tùy ý. Đối với nước ta, sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật sẽ thành lập một chính phủ nhân dân, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, lấy cờ đỏ sao vàng năm cánh làm cờ của toàn quốc, Chính phủ do Quốc hội bầu ra.

Thứ ba, liên hiệp tất cả các giai cấp và tầng lớp nhân dân không phân biệt tôn giáo, xu hướng chính trị, đảng phái vào một mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc thật rộng rãi, lấy liên minh công nông làm cơ sở. Muốn vậy cần phải vận dụng một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết, làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân. Trung ương quyết định thành lập "Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh", gọi tắt là Việt Minh. Đối với các dân tộc Campuchia và Lào, Đảng chủ trương lập "Mặt trận Ai Lao độc lập đồng minh", và "Cao Miên độc lập đồng minh", để sau đó lập ra Đông Dương độc lập đồng minh. Còn các tổ chức quần chúng thì lập thành các hội cứu quốc như: công nhân cứu quốc, nông dân cứu quốc, thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, v.v..

Thứ tư, chuyển hướng hình thức đấu tranh, từ đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp đòi quyền lợi dân chủ, dân sinh, sang đấu tranh chính trị bí mật, bất hợp pháp, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là trung tâm của Đảng và nhân dân ta, phải ra sức chuẩn bị lực lượng trong toàn quốc và nhằm đúng vào những điều kiện chủ

quan và khách quan thuận lợi, đi từ khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền ở địa phương, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước...

3. Ý nghĩa của sự điều chỉnh chiến lược

- Từ Hội nghị lần thứ 6 đến Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, sự điều chỉnh chiến lược của Đảng trong thời kỳ mới đã hoàn chỉnh.

- Trong hoàn cảnh dân tộc ta một cổ đôi tròn mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội ta đã phát triển đến độ gay gắt nhất, vấn đề sống còn của các dân tộc Đông Dương đặt ra một cách trực tiếp, quyền lợi dân tộc giải phóng đặt lên cao hơn hết. Đảng đã có chủ trương thực hiện cho được mục tiêu chủ yếu là độc lập dân tộc, đề ra hàng loạt chủ trương và biện pháp cách mạng đúng đắn, tích cực mở rộng khối đoàn kết dân tộc, tích cực chuẩn bị và tiến lên khởi nghĩa vũ trang, giành chính quyền. Đường lối đó hợp với nguyện vọng của toàn thể nhân dân, của các dân tộc ở Đông Dương, có khả năng động viên cả dân tộc đoàn kết đứng lên đánh Pháp đuổi Nhật.

- Sự điều chỉnh chiến lược đúng đắn đó đánh dấu một bước trưởng thành mới của Đảng ta, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Câu 10: Hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa lịch sử của bản Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ngày 12-3-1945 của Ban thường vụ Trung ương Đảng?

1. Hoàn cảnh

- Nhật xâm lược Đông Dương. Nhật - Pháp cấu kết với nhau đàn áp phong trào cách mạng Việt Nam. Song, mâu thuẫn giữa chúng ngày càng gay gắt. Bảy giờ Đảng, ta đã dự đoán: nhất định Nhật - Pháp sẽ thôn tính lẫn nhau.

- Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc • Nước Pháp được giải phóng, Chính phủ Đờgôn trở lại Pari. Quân Anh đánh lui quân Nhật ở Miến Điện. Mỹ đổ bộ lên Philippin, khống chế phần đường biển từ Nhật Bản đến Ấnô-nê-xia.

Thực dân Pháp theo phái Đờgôn ở Đông Dương ngóc đầu dậy, hoạt động ráo riết, chờ quân Đồng minh vào sẽ lật đổ Nhật để khôi phục quyền thống trị.

Phát xít Nhật đứng trước tình thế thất bại ở Thái Bình Dương nên phải nhanh chóng làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp.

Ban thường vụ Trung ương Đảng họp từ ngày 9-3-1945 đến 10-3-1945 đã đánh giá tình hình, nhận định thời cơ khởi nghĩa và đã ra bản Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

2. Nội dung chủ yếu của bản Chỉ thị

- Xác định kẻ thù chính, cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật; thay khẩu hiệu đánh đuổi phátxít Nhật, Pháp bằng khẩu hiệu đánh đuổi phátxít Nhật và đưa ra khẩu hiệu "thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương".

- Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa; phải có những hình thức tuyên

truyền, đấu tranh hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa như đẩy mạnh tuyên truyền võ trang, biểu tình, tuần hành, thị uy, bãi công chính trị, phá các kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói, phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, lập chính quyền bộ phận, mở rộng căn cứ địa cách mạng để khi đủ điều kiện sẽ chuyển sang tổng khởi nghĩa.

- Dự đoán thời cơ khởi nghĩa:

+ Quân Đồng Minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật, Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản quân Đồng Minh để phía sau sơ hở.

+ Cách mạng Nhật bùng nổ, chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập.

+ Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940. Quân đội viễn chinh Nhật hoang mang, mất hết tinh thần.

- Chỉ thị còn nói rõ không được ỷ lại vào bên ngoài khi tình thế biến chuyển thuận lợi, mà phải dựa vào sức mình là chính.

3. Ý nghĩa lịch sử

Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" thể hiện sự nhận định sáng suốt, kiên quyết và kịp thời của Đảng ta, là kim chỉ nam cho mọi hành động của toàn Đảng, của Việt Minh trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, thúc đẩy tình thế cách mạng mau chóng chín muồi.

Khi Nhật đầu hàng, mặc dầu chưa nhận lệnh của Trung ương Đảng, nhưng do nắm vững nội dung bản Chỉ thị nên nhiều địa phương đã chủ động, sáng tạo, mau lẹ, kịp thời khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa thành công trong những ngày tháng Tám.

Câu 11: Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

1. Ý nghĩa lịch sử

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy nghìn năm và ách thống trị của phátxít Nhật, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam châu Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân của nước độc lập tự do, đứng lên làm chủ vận mệnh của mình.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

- Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Đảng ta và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã hỗ trợ, thúc đẩy phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc trên bán đảo Đông Dương và nhiều nước khác trên thế giới.

2. Nguyên nhân thắng lợi

- Nguyên nhân khách quan:

Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế rất thuận lợi: kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật đã bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại. Bọn Nhật ở Đông Dương và tay sai đã tan rã. Đảng ta đã chớp thời cơ đó phát động toàn dân nổi dậy Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng.

- Nguyên nhân chủ quan:

Cách mạng Tháng Tám là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua ba cao trào cách mạng rộng lớn: Cao trào 1930 - 1931, Cao trào 1936 - 1939 và Cao trào vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945. Quần chúng cách mạng đã được Đảng tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện bằng thực tiễn đấu tranh đã trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

Cách mạng Tháng Tám thành công là do Đảng ta đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng ta là người tổ chức và lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám, vì Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, nắm đúng thời cơ và chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, tạo nên sức mạnh tổng hợp áp đảo kẻ thù.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố chủ yếu nhất, quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

3. Bài học kinh nghiệm

Bài học có ý nghĩa khoa học và thực tiễn chính trị sâu sắc của Cách mạng Tháng Tám là Đảng ta đã không ngừng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo trong việc phát triển đường lối và tổ chức thực tiễn, mạnh dạn điều chỉnh chiến lược, thay đổi chủ trương cho hợp tình thế, kịp thời nắm bắt được sự biến đổi của thời cuộc để tổ chức lãnh đạo quần chúng tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám còn để lại cho Đảng và nhân dân ta nhiều bài học kinh nghiệm về chỉ đạo chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng, làm phong phú kho tàng lý luận cách mạng:

+ Đảng đã xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là chống đế quốc và chống phong kiến. Hai nhiệm vụ này kết hợp khăng khít với nhau, làm tiền đề cho nhau, song nhiệm vụ chống đế quốc là chủ yếu nhất, là nhiệm vụ hàng đầu còn nhiệm

vụ chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc và được thực hiện dải ra từng bước. Nhờ vậy, Đảng ta đã tổ chức được lực lượng chính trị rộng lớn mà nòng cốt là khối liên minh công nông để thực hiện yêu cầu cấp bách của cách mạng là giải phóng dân tộc, giành lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc.

+ Đảng đã triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù. Xác định kẻ thù nguy hiểm nhất, phân hoá hàng ngũ kẻ thù, tranh thủ mọi lực lượng, tập trung chống kẻ thù nguy hiểm nhất.

+ Đảng ta đã khẳng định con đường duy nhất lật đổ ách thống trị của đế quốc và tay sai, giành chính quyền là con đường cách mạng bạo lực; đã xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng, trên cơ sở đó từng bước xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang, đã khéo léo kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, trong đó, đấu tranh chính trị của quần chúng có vai trò quyết định đã tạo ra ưu thế áp đảo quân thù, giành thắng lợi nhanh gọn.

Câu 12: Hoàn cảnh lịch sử và nội dung cơ bản của bản Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" tháng 11-1945 của Ban thường vụ Trung ương Đảng?

1. Hoàn cảnh lịch sử

- Sau thắng lợi vĩ đại của Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ thống thế giới, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đem lại cho cách mạng Việt Nam thế và lực mới. Đảng ta từ một đảng hoạt động bất hợp pháp trở thành đảng cầm quyền, nhân dân ta được giải phóng khỏi cuộc đời nô lệ, trở thành người làm chủ đất nước.

Cách mạng nước ta thời kỳ này đứng trước những khó khăn, thử thách nghiêm trọng:

+ Nước ta còn nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc và các chính quyền phản động trong khu vực. Nước ta còn chưa nhận được sự giúp đỡ trực tiếp của các nước xã hội chủ nghĩa và lực lượng tiến bộ trên thế giới.

+ Nền kinh tế vốn nghèo nàn, lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Nạn đói năm 1945 làm 2 triệu người chết, tiếp đó là nạn lũ lụt, hạn hán kéo dài làm 50% ruộng đất bị bỏ hoang. Sản xuất nông nghiệp đình đốn. Tài chính khô kiệt, kho bạc trống rỗng, ngân hàng Đông Dương còn nằm trong tay tư bản Pháp. Trình độ văn hoá của nhân dân ta thấp kém, 90% số dân mù chữ.

+ Ở miền Bắc: 20 vạn quân Tưởng ồ ạt tràn qua biên giới, theo gót chúng là bọn Việt Quốc, Việt Cách, chúng lập chính quyền phản động ở một số nơi, cướp của giết người và chống phá chính quyền cách mạng. Ở miền Nam: quân Anh với danh nghĩa Đồng Minh kéo vào nước ta tiếp tay cho thực dân Pháp trở lại xâm lược

nước ta lần thứ hai. "Tổ quốc lâm nguy! Vận mệnh dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc!".

2. Nội dung cơ bản của Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc"

Ngày 25-11-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" vạch rõ nhiệm vụ chiến lược và nhiệm vụ cần kíp của cách mạng nước ta. Chỉ thị xác định:

- "Cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Khẩu hiệu đấu tranh vẫn là "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết".

- Kẻ thù chính của cách mạng lúc này là thực dân Pháp xâm lược.

- Nhiệm vụ cơ bản, trước mắt của toàn dân tộc ta là: củng cố chính quyền cách mạng, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống của nhân dân. Nhiệm vụ bao trùm là bảo vệ, củng cố chính quyền cách mạng.

- Chỉ thị vạch ra những biện pháp cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ trên.

+ Về nội chính: xúc tiến bầu cử Quốc hội, thành lập Chính phủ chính thức, lập hiến pháp, xử lý bọn phản động đối lập, củng cố chính quyền nhân dân.

+ Về quân sự: động viên lực lượng toàn dân trường kỳ kháng chiến.

+ Về ngoại giao: kiên trì nguyên tắc "bình đẳng, tương trợ", thêm bạn bớt thù. Đối với quân đội Tưởng, thực hiện khẩu hiệu "Hoa - Việt thân thiện".

Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" của Ban thường vụ Trung ương Đảng đã giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng về chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng trong thời kỳ mới giành được chính quyền, đưa đất nước vượt qua tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

Câu 13: Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta thực hiện những biện pháp gì để bảo vệ chính quyền cách mạng những năm 1945 - 1954?

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cách mạng Việt Nam đứng trước những khó khăn, thử thách cực kỳ nghiêm trọng trên tất cả các lĩnh vực: về quân sự, về kinh tế - tài chính và về văn hoá. Đứng trước tình hình đó, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã:

1. Thực hiện tăng cường khối đoàn kết toàn dân, củng cố chế độ mới

- Về chính trị: Đã khẩn trương tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước vào ngày 6-1-1946 bầu Quốc hội, bầu hội đồng nhân dân các cấp; xây dựng Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Mặt trận dân tộc thống nhất đã được tiếp tục mở rộng. Các tổ chức quần chúng được củng cố và mở rộng. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam lần lượt ra đời. Đảng xã hội Việt Nam được thành lập nhằm đoàn kết những trí thức yêu nước phục vụ chính quyền mới.

- Về quân sự: Đảng coi trọng xây dựng và phát triển công cụ bạo lực của cách mạng như công an, bộ đội. Cuối năm 1946 lực lượng quân đội thường trực lên tới 8 vạn. Việc vũ trang cho quần chúng được thực hiện rộng khắp. Hầu hết các thôn xã, khu phố đều đã có đội tự vệ.

- Về kinh tế, tài chính: Đảng và Chính phủ đã quyết định đẩy mạnh tăng gia sản xuất, bãi bỏ thuế thân, tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho dân nghèo, thực hiện giảm tô 25%. Huy động nhân dân đóng góp cho "quỹ độc lập" hàng chục triệu đồng, cho "tuần lễ vàng" hàng trăm kilôgam vàng, từng bước xây dựng tài chính độc lập.

- Về văn hoá giáo dục: Đảng đã vận động toàn dân xây dựng nền văn hoá mới, xoá bỏ tệ nạn văn hoá nô dịch, lạc hậu, phát

triển phong trào bình dân học vụ, chống nạn mù chữ. Trong vòng một năm, đã có 2,5 triệu người biết đọc, biết viết.

Những thành tựu nói trên tạo nên sức mạnh để bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ quyền lãnh đạo của Đảng, chống thù trong, giặc ngoài.

2. Thực hiện sách lược lợi dụng mâu thuẫn nội bộ kẻ thù để phân hoá chúng, khôn khéo tránh tình thế phải đương đầu với nhiều kẻ thù cùng một lúc.

- Sách lược hoà hoãn với Tưởng ở miền Bắc để tập trung chống thực dân Pháp ở miền Nam (9-1945 - 6-3-1946).

Đảng đã nhân nhượng có nguyên tắc với quân Tưởng trên một số vấn đề:

Về kinh tế, cung cấp lương thực cho quân Tưởng trong khi nhân dân ta đang chịu đói kém.

Về quân sự, chủ trương tránh xung đột, không mắc âm mưu khiêu khích của chúng.

Về chính trị, chủ động mở rộng thành phần Chính phủ, nhân nhượng một số ghế trong Chính phủ cho đại biểu của Việt Quốc, Việt Cách là những đảng phái tay sai của Tưởng. Đảng ta tuyên bố tự giải tán, nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật để gạt mũi nhọn tiến công của kẻ thù vào Đảng.

Nhờ vậy, Đảng ta đã làm thất bại âm mưu khiêu khích của Tưởng, vô hiệu hoá hoạt động chống phá của bọn tay sai, tập trung chống thực dân Pháp ở miền Nam.

- Sách lược tạm hoà với Pháp để đuổi Tưởng về nước.

Ngày 26-2-1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết, quân đội Pháp ra thay thế quân Tưởng ở miền Bắc và Pháp phải nhượng cho Tưởng một số quyền lợi, đặt cách mạng nước ta trước hoàn cảnh mới phức tạp. Đảng đã chọn giải pháp tạm thời hoà hoãn với Pháp để đuổi nhanh quân Tưởng ra khỏi đất nước, tranh thủ thời gian hoà hoãn để chuẩn bị lực lượng kháng chiến chống Pháp về sau.

Ngày 6-3-1946, Chính phủ ta đã ký với Chính phủ Pháp bản "Hiệp định sơ bộ" đặt cơ sở để đi đến cuộc đàm phán ký một hiệp định chính thức.

Nhằm tranh thủ thời gian tiếp tục xây dựng lực lượng cho cuộc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp bản Tạm ước 14-9-1946.

Chủ trương thương lượng ký các hiệp định với Pháp là cần thiết và đúng đắn, đã đưa cách mạng Việt Nam vượt qua những khó khăn nghiêm trọng, bảo vệ thành quả của Cách mạng Tháng Tám và chuẩn bị điều kiện bước vào cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

Câu 14: Tại sao tháng 12-1946, Đảng đã quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc. Phân tích nội dung cơ bản đường lối kháng chiến của Đảng?

1. Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc vào tháng 12-1946

Thành quả nổi bật của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 là thiết lập được Chính quyền cách mạng.

Từ tháng 8-1945 đến tháng 12-1946, Đảng ta đã đề ra các chủ trương về các mặt chính trị, kinh tế, tăng cường đoàn kết toàn dân, giữ vững chính quyền. Để giữ vững hoà bình, Đảng ta đã đề ra sách lược hoà hoãn với Tưởng rồi hoà hoãn với Pháp bằng việc ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946, đàm phán tại Hội nghị Phôngtennơblô và ký Tạm ước 14-9-1946.

Nhưng thực dân Pháp đã bội ước. Chiến sự ở miền Nam vẫn nổ ra gay gắt. Còn ở miền Bắc, chúng gây nhiều vụ khiêu khích trắng trợn, cụ thể là:

- Ngày 20-1-1946, quân Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.

- Từ ngày 7 đến 15-12-1946, Pháp đánh chiếm Tiên Yên, Đình Lập, Hải Dương, Đà Nẵng.

- Ngày 18-12-1946, Pháp gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún, Hà Nội, đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính. Chúng còn gửi tới hậu thư cho Chính phủ ta đòi tước vũ khí của tự vệ, đòi kiểm soát tình hình Hà Nội.

Trước hành động ngày càng lấn tới của địch, ta không thể nhân nhượng với chúng được nữa, vì nhân nhượng nữa là mất nước, quay lại cuộc đời nô lệ. Vì vậy, tối ngày 19-12-1946, Đảng và Chính phủ đã phát động toàn quốc kháng chiến.

2. Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp

Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến". Ngày 22-12-1946, Trung ương Đảng ra "Chỉ thị toàn dân kháng chiến". Hai văn kiện này đã nêu một cách khái quát nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến. Nội dung ấy được đồng chí Trường Chinh bổ sung, phát triển trong tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" năm 1947.

Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến thể hiện qua các văn kiện trên là:

- Cuộc kháng chiến nhằm vào kẻ thù chính là bọn thực dân phản động Pháp đang dùng vũ lực cướp lại nước ta, giành độc lập tự do và thống nhất thật sự, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, phát triển chế độ dân chủ nhân dân.

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là tiếp tục sự nghiệp của cuộc Cách mạng Tháng Tám, nên nó có tính chất dân tộc giải phóng. Lúc này, nhiệm vụ giải phóng dân tộc là yêu cầu nóng bỏng và cấp bách nhất.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp còn mang tính chất dân chủ mới. Trong quá trình kháng chiến, phải từng bước thực hiện cải cách dân chủ và thực chất của vấn đề dân chủ lúc này là từng bước thực hiện người cày có ruộng.

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

- Cuộc kháng chiến của ta là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc; đánh giặc bằng bất cứ thứ vũ khí gì có trong tay; đánh giặc ở bất cứ nơi nào chúng tới.

- Kháng chiến toàn dân là xuất phát từ so sánh lực lượng giữa ta và địch và xuất phát từ chân lý: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.

- Kháng chiến trên tất cả các lĩnh vực: quân sự, chính trị, kinh tế và văn hoá... nhằm tạo sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù.

- Kháng chiến lâu dài, tích cực phát triển lực lượng, tranh thủ giành thắng lợi ngày càng lớn. Kháng chiến lâu dài còn do

tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch. Ta cần có thời gian để củng cố, xây dựng lực lượng, nhằm chuyển hoá so sánh lực lượng có lợi cho ta.

- Dựa vào sức mình là chính, trước hết phải độc lập về đường lối chính trị, chủ động xây dựng và phát triển thực lực của cuộc kháng chiến, đồng thời coi trọng sự viện trợ quốc tế.

- Vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ dân chủ mới trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội để có sức mạnh đưa kháng chiến đến thắng lợi và tạo tiền đề cần thiết cho xây dựng xã hội mới sau khi giải phóng đất nước.

Đường lối kháng chiến của Đảng là ngọn cờ hướng đạo quân và dân ta chiến đấu và chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ dẫn đến chiến công Điện Biên Phủ (1954).

Câu 15. Trình bày tóm tắt nội dung cơ bản đường lối cách mạng Việt Nam được vạch ra trong "Chính cương Đảng Lao động Việt Nam" do Đại hội lần thứ II của Đảng tháng 2 - 1951?

Bước vào năm 1951, trước sự phát triển nhanh chóng của cách mạng nước ta sau 5 năm kháng chiến, thực tiễn đòi hỏi Đảng ta phải bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đã được vạch ra từ ngày thành lập Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã được triệu tập vào tháng 2-1951 tại Chiêm Hoá, Tuyên Quang.

Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng, đặc biệt là bản "Chính cương Đảng Lao động Việt Nam".

Nội dung cơ bản của Chính cương Đảng Lao động Việt Nam:

- Xác định đối tượng của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ, bọn phong kiến phản động. Kẻ thù chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược.

- Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tạo cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Ba nhiệm vụ trên có quan hệ khăng khít với nhau, song, nhiệm vụ chính trước mắt là hoàn thành giải phóng dân tộc. Lúc này phải tập trung lực lượng vào cuộc kháng chiến để hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

- Động lực của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc, nhân sĩ yêu nước tiến bộ. Nền tảng là khối liên minh công nông và lao động trí thức. Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân.

Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản và sắp xếp lực lượng cách mạng như trên, cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thông qua Đảng Lao động Việt Nam, nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Cùng với các văn kiện đã thông qua tại Đại hội, "Chính cương Đảng Lao động Việt Nam" thể hiện sự hoàn chỉnh thêm một bước đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân được vạch ra trong Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng, đường lối đó soi đường dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Câu 16: Trong tiến trình kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), Đảng ta lãnh đạo quân và dân ta xây dựng và phát triển thực lực kháng chiến toàn diện như thế nào?

Để đưa sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta từng bước vừa xây dựng lực lượng, vừa chiến đấu giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Nội dung xây dựng thực lực kháng chiến bao gồm các mặt sau:

- Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị:

+ Đảng ta đã ra sức xây dựng, củng cố, và tổ chức hệ thống chính quyền và các tổ chức quần chúng, củng cố Mặt trận thống nhất, thống nhất Việt Minh và Liên Việt thành Mặt trận liên hiệp quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên - Việt) vào tháng 3 - 1951. Sự kiện này đánh dấu khối đại đoàn kết toàn dân đã được củng cố thêm một bước.

+ Tháng 3-1951, khối liên minh ba nước Việt - Lào - Campuchia được thành lập, dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau, nhằm tăng cường khối đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc anh em trên bán đảo Đông Dương.

- Xây dựng từng bước nền kinh tế kháng chiến:

+ Coi trọng phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp bảo đảm yêu cầu ăn no, đánh thắng cho các lực lượng vũ trang.

+ Củng cố và phát triển thương nghiệp, tài chính, ngân hàng.

- Ban hành thuế nông nghiệp, thuế xuất, nhập khẩu, thuế hàng hoá... Năm 1951, Ngân hàng quốc gia Việt Nam được thành lập, mật dịch quốc doanh cũng ra đời.

Nhờ thực hiện tích cực các chủ trương kinh tế, tài chính của Đảng, nên cuối năm 1953, lần đầu tiên trong kháng chiến việc thu chi trong ngân sách được cân bằng.

- Phát triển nền văn hoá, giáo dục trong kháng chiến:

+ Tháng 7-1948, Hội nghị văn hoá toàn quốc đã họp, đồng chí Trường Chinh đã trình bày bản báo cáo "Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam" vạch rõ đường lối, phương châm xây dựng nền văn hoá mới của Đảng.

+ Năm 1950, Đảng đề ra chủ trương cải cách giáo dục theo đường lối giáo dục mới. Phong trào xoá bỏ nạn mù chữ ở vùng tự do phát triển mạnh...

- Từng bước cải cách dân chủ về kinh tế, đem lại quyền lợi ruộng đất cho nông dân:

+ Từ năm 1946 đến năm 1949, Đảng đề ra chủ trương giảm tô 25%, tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc Việt gian chia cho dân cày, tạm cấp ruộng đất vắng chủ cho nông dân.

+ Từ năm 1949 đến năm 1953, thực hiện chính sách thuế nông nghiệp, hoãn nợ, xoá nợ nhằm hạn chế sự bóc lột của địa chủ.

+ Năm 1953, quyết định phát động quần chúng nông dân triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, chia lại ruộng công. Đây là bước mở đầu cho cuộc cách mạng của quần chúng trên mặt trận phản phong, tạo tiền đề cho cải cách ruộng đất.

+ Trong những năm 1953 - 1954, nhằm tạo động lực đẩy mạnh cuộc kháng chiến, Đảng phát động cải cách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng". Tháng 12-1953, Quốc hội thông qua Luật cải cách ruộng đất. Cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất đã thực hiện ở một số địa phương trong vùng tự do. Qua đó mà tinh thần và vật chất của hàng triệu nông dân được động viên mạnh mẽ.

Cuộc vận động cải cách ruộng đất góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân:

Lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân kháng chiến. Cùng với việc phát triển quân du kích và bộ đội địa phương, Đảng đã lãnh đạo xây dựng và phát triển bộ đội chủ lực.

+ Năm 1949, Trung ương Đảng quyết định thành lập Đại đoàn 308 - đại đoàn quân chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Đến giữa năm 1954, bộ đội chủ lực của ta đã có 6 đại đoàn bộ binh, một đại đoàn công binh, pháo binh và nhiều trung đoàn bộ binh, lực lượng vũ trang tập trung có khoảng 33 vạn người.

Sự lớn mạnh của lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân, đặc biệt là sự hình thành các đại đoàn chủ lực, đáp ứng yêu cầu đánh lớn của cuộc kháng chiến.

- Xây dựng Đảng vững mạnh để lãnh đạo cuộc kháng chiến đến thắng lợi:

Cuộc kháng chiến ngày càng lớn mạnh đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Trong 2 năm 1948-1949, Đảng kết nạp hơn 50 vạn đảng viên. Đầu năm 1950, toàn Đảng có hơn 76 vạn đảng viên. Cơ sở đảng được xây dựng ở hầu hết các làng xã, xí nghiệp và trong các lực lượng vũ trang. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức cách mạng cho đảng viên được đẩy mạnh.

Tuy nhiên, trong công tác xây dựng đảng ở nhiều nơi còn chạy theo số lượng, chưa coi trọng chất lượng.

Câu 17: Phân tích ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến thống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1946 - 1954)?

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1946-1954) là cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đó vừa có ý nghĩa dân tộc, vừa có ý nghĩa quốc tế sâu sắc.

1. Ý nghĩa lịch sử

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng Tháng Tám 1945, chấm dứt ách thống trị của bọn thực dân Pháp trong gần một thế kỷ trên đất nước ta, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên một nửa đất nước. Cách mạng Việt Nam đã chuyển sang một giai đoạn mới: giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, hoàn thành thống nhất nước nhà.

- Thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị nô dịch vùng lên chống chủ nghĩa đế quốc, chống chủ nghĩa thực dân, vì độc lập tự do và dân chủ tiến bộ, báo hiệu một thời kỳ sụp đổ từng mảng của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, góp phần tích cực vào tiến trình phát triển của cách mạng thế giới.

2. Nguyên nhân thắng lợi

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ giành được thắng lợi là do các nhân tố cơ bản sau:

- Có sự lãnh đạo của Đảng với đường lối chính trị và quân sự đúng đắn, có khối đoàn kết nhất trí của toàn dân, có mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với quần chúng. Các đảng viên của Đảng đã xung phong gương mẫu, dũng cảm đi đầu trong cuộc chiến đấu.

- Có sự đoàn kết chiến đấu toàn dân được tổ chức, tập hợp trong Mặt trận dân tộc rộng rãi - Mặt trận Liên - Việt, dựa trên nền tảng của khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức.

- Có lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Đây là lực lượng trực tiếp đóng vai trò quyết định tiêu diệt địch trên chiến trường.

- Chúng ta có chính quyền dân chủ nhân dân, một chính quyền của dân, do dân, vì dân. Đây là một công cụ sắc bén của Đảng để tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

- Có hậu phương ngày càng mở rộng và củng cố về mọi mặt, bảo đảm chi viện ngày càng nhiều sức người, sức của cho mặt trận.

- Có sự liên minh chiến đấu của ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia chống kẻ thù chung và được sự đồng tình ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc bị áp bức và các lực lượng hoà bình tiến bộ trên thế giới.

3. Những bài học kinh nghiệm

- Kết hợp đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến. Nhiệm vụ chống phong kiến phải tiến hành có kế hoạch, từng bước để vừa phát triển lực lượng cách mạng, vừa giữ vững khối đoàn kết dân tộc.

- Xác định và quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân: toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính. Đây là bí quyết thắng lợi của cuộc kháng chiến.

- Vừa kháng chiến, vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương vững mạnh để đẩy mạnh kháng chiến.

- Kiên quyết kháng chiến lâu dài, đi từ chiến tranh du kích lên chiến tranh chính quy. Kết hợp chặt chẽ giữa chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích.

- Xây dựng Đảng vững mạnh và bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, với đường lối chiến tranh nhân dân đúng đắn, có chủ trương và chính sách kháng chiến ngày càng hoàn chỉnh, có ý chí quyết chiến và quyết thắng kẻ thù. Có đội ngũ đảng viên dũng cảm, kiên cường, là những chiến sĩ tiên phong trong chiến đấu và trong sản xuất.

Câu 18: Phân tích đặc điểm tình hình nước ta sau khi hoà bình lập lại (7-1954) và nội dung cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam do Đại hội lần thứ III của Đảng tháng 9 năm 1960 vạch ra?

1. Đặc điểm tình hình nước ta từ sau khi hoà bình lập lại (7-1954)

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã dẫn đến thắng lợi của Hội nghị Giơnevơ (1954) về Đông Dương, công nhận chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng.

Ở Miền Nam, Mỹ đã hất cẳng Pháp hòng biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng, lập phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa xã hội lan xuống Đông - Nam châu Á, đồng thời lấy miền Nam làm căn cứ để tiến công miền Bắc, tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông - Nam châu Á, hòng đè bẹp và đẩy lùi chủ nghĩa xã hội ở vùng này, bao vây và uy hiếp các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đất nước bị tạm thời chia cắt làm hai miền, có hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau. Miền Bắc đã hoàn toàn được giải phóng, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân về cơ bản đã hoàn thành và bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Còn ở miền Nam: về cơ bản xã hội miền Nam là thuộc địa kiểu mới. Đặc điểm đó đòi hỏi Đảng ta phải đề ra được đường lối cách mạng phù hợp với đặc điểm tình hình mới để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên.

2. Nội dung cơ bản đường lối cách mạng Việt Nam của Đảng

Sau khi vạch rõ mâu thuẫn chung của cả nước và những mâu thuẫn cụ thể của từng miền, Đại hội lần thứ III của Đảng đã xác định nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này là: Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền

Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình ở Đông - Nam châu Á và thế giới.

Đại hội vạch rõ hai chiến lược cách mạng ở hai miền là:

- Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ trong cả nước.

Hai chiến lược đó có quan hệ mật thiết và tác động thúc đẩy lẫn nhau, nhằm trước mắt phục vụ mục tiêu chung của cách mạng cả nước là: Thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc, giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai của chúng. Giải quyết mâu thuẫn chung ấy là nghĩa vụ của nhân dân cả nước.

Vị trí, nhiệm vụ cụ thể của cách mạng mỗi miền:

- Miền Bắc là căn cứ địa cách mạng chung của cả nước; cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

- Cách mạng miền Nam có vị trí rất quan trọng. Nó có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, cùng cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ sau tháng 7-1954 đến tháng 5-1975 chứng minh đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền của Đảng Lao động Việt Nam là đúng đắn và sáng tạo, thể hiện tính nhất quán của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được Đảng đề ra trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Một Đảng thống nhất lãnh đạo một nước tạm thời chia cắt làm đôi, tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau, đó là đặc điểm lớn nhất cũng là nét độc đáo của cách mạng nước ta từ tháng 7-1954 đến tháng 5-1975.

Câu 19: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (1-1959) và Đại hội lần thứ III của Đảng (9-1960) đã phân tích tính chất xã hội miền Nam và vạch ra đường lối cách mạng miền Nam như thế nào?

Đường lối chung của cách mạng Việt Nam: Tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện một mục tiêu chung của cả nước là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Về cách mạng miền Nam, Hội nghị 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Đại hội lần thứ III của Đảng đã xác định:

Tính chất xã hội miền Nam:

Âm mưu của đế quốc Mỹ là xâm chiếm cả nước ta để làm thuộc địa và căn cứ quân sự nhằm phá hoại phong trào độc lập dân tộc và hoà bình dân chủ ở Đông Dương. Miền Nam đã trở thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ. Xã hội miền Nam có những mâu thuẫn sau:

- Mâu thuẫn giữa nhân dân ta ở miền Nam với bọn đế quốc xâm lược, chủ yếu là đế quốc Mỹ.

- Mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam, trước hết là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.

Mâu thuẫn chủ yếu ở miền Nam là mâu thuẫn giữa dân tộc ta, nhân dân ta ở miền Nam với bọn đế quốc Mỹ xâm lược cùng tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai đế quốc Mỹ, đại diện cho bọn địa chủ phong kiến và tư sản mại bản thân Mỹ phản động nhất.

Lực lượng tham gia cách mạng ở miền Nam là giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những nhân sĩ yêu nước. Động lực cách mạng miền Nam là giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản lấy liên minh công nông làm cơ sở. Lực lượng lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa

là căn cứ địa vững chắc của phong trào cách mạng miền Nam. Đối tượng của cách mạng miền Nam là đế quốc Mỹ, giai cấp tư sản mại bản, địa chủ phong kiến, tay sai của đế quốc Mỹ. Nhưng trong giai cấp tư sản mại bản có bọn thân Mỹ và có bọn thân Pháp. Trong giai cấp địa chủ có bọn dựa hẳn vào Mỹ - Diệm, có bộ phận lừng chừng, có bộ phận chống đối Mỹ - Diệm, ít nhiều tán thành độc lập và dân chủ. Do đó, giữa chúng có mâu thuẫn về quyền lợi và phân hoá về chính trị ở các mức độ khác nhau.

Cách mạng miền Nam là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cuộc cách mạng đó có:

Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến tranh, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông - Nam Á và thế giới.

Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Phải thành lập một Mặt trận dân tộc dân chủ thật rộng rãi ở miền Nam, lấy liên minh công nông làm cơ sở, cần có sách lược lợi dụng mâu thuẫn giữa các bộ phận trong hàng ngũ kẻ thù, phân hoá và cô lập cao độ đế quốc Mỹ và bọn tay sai Ngô Đình Diệm. Sử dụng, kết hợp những hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp

và không hợp pháp, phối hợp chặt chẽ phong trào ở đô thị với phong trào ở nông thôn và vùng căn cứ. Cần kiên quyết giữ vững đường lối hoà bình, thống nhất nước nhà. Song, vì đế quốc Mỹ là tên đế quốc hiếu chiến đầu sỏ, nên cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam có thể chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ, thành chiến tranh cách mạng. Lúc đó Đảng ta nhận định rằng, kẻ địch cũng có thể liêu lĩnh mở rộng chiến tranh xâm lược ra miền Bắc, nên trong khi lãnh đạo, Đảng phải chuẩn bị chu đáo và chủ động đối phó, kiên quyết đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Củng cố, xây dựng Đảng bộ miền Nam thật vững mạnh, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp đảng bộ đối với sự nghiệp cách mạng miền Nam, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, nắm vững phương châm hoạt động bí mật, tăng cường mối quan hệ khăng khít giữa Đảng và quần chúng.

Đường lối cách mạng do Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội lần thứ III của Đảng đề ra là căn cứ để Đảng lãnh đạo, chỉ đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc, tạo điều kiện đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 20: Quá trình chỉ đạo của Đảng trong các giai đoạn phát triển của cách mạng miền Nam từ năm 1954 đến năm 1975?

Là một đế quốc đầu sỏ ráp tâm thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng hòng làm bá chủ thế giới, đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam nhằm ba mục tiêu chủ yếu:

1. Tiêu diệt phong trào cách mạng, thôn tính miền Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của chúng.
2. Biến miền Nam thành một phòng tuyến ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội xuống vùng Đông - Nam Á.
3. Xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự, là bàn đạp tiến công miền Bắc và hệ thống xã hội chủ nghĩa từ phía Đông - Nam Á.

Quá trình Đảng chỉ đạo cuộc cách mạng miền Nam là quá trình phân tích âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, so sánh lực lượng giữa ta và địch để đề ra chủ trương, biện pháp thích hợp đánh bại chúng, là quá trình biết giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn. Quá trình đó diễn ra qua nhiều thời kỳ kế tiếp nhau.

Thời kỳ 1954-1960:

Chuyển hình thức, phương pháp và tổ chức đấu tranh của cách mạng miền Nam từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị là chủ yếu, thực hiện thế giữ gìn lực lượng, rồi chuyển dần từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, đánh bại "Chiến tranh đơn phương" của đế quốc Mỹ.

- Những năm 1954-1956: chuyển cách mạng miền Nam từ đấu tranh vũ trang trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp sang đấu tranh chính trị là chủ yếu để củng cố hoà bình, đòi tổng tuyển cử thống nhất đất nước, chống khủng bố, giữ gìn lực lượng.

- Những năm 1957-1958: đấu tranh chính trị là chính, xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, lập các chiến khu,

đấu tranh vũ trang ở mức độ thích hợp để bảo vệ cách mạng, chuẩn bị chuyển lên giai đoạn mới.

- Những năm 1959-1960: nổi dậy khởi nghĩa đồng loạt bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đánh đổ chính quyền địch ở cơ sở, giành quyền làm chủ, hình thành vùng giải phóng rộng lớn, lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Cách mạng miền Nam phát triển nhảy vọt, chuyển hẳn từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, đồng thời chấm dứt thời kỳ tạm ổn định của địch, cuộc "Chiến tranh đơn phương" của Mỹ bị đánh bại.

Thời kỳ 1961-1965:

Đảng chỉ đạo giữ vững và phát triển thế tiến công, đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ.

Từ năm 1961, "Chiến tranh đơn phương" bị thất bại, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện cuộc "Chiến tranh đặc biệt", một hình thức của chiến tranh thực dân mới bằng hai thủ đoạn chính là tăng cường lực lượng nguy quân do cố vấn Mỹ chỉ huy để hành quân tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng, và ra sức thiết lập "áp chiến lược" để gom dân, bình định lại nông thôn. Bằng cách đó, chúng hy vọng tạo ra ba chỗ dựa cơ bản cho "Chiến tranh đặc biệt" là: 1. Nguy quân - nguy quyền mạnh lên, 2. Hệ thống "áp chiến lược" rộng khắp, 3. Các đô thị ổn định.

Hội nghị Bộ Chính trị tháng 1-1961 và tháng 2-1962 đã nêu chủ trương tiếp tục giữ vững và phát huy thế tiến công của cách mạng miền Nam, đưa đấu tranh quân sự lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng ba mũi giáp công: chính trị, quân sự, và binh vận, đánh địch ở cả ba vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng và đô thị.

Cách mạng miền Nam đã từ khởi nghĩa chuyển lên thành chiến tranh cách mạng, từng bước đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Thắng lợi của ta đã làm cho nội bộ địch bị khủng hoảng, dẫn tới cuộc đảo chính của Mỹ giết chết anh em Diệm - Nhu và nhiều cuộc đảo chính khác kế tiếp. Cuộc "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ đã bị thất bại.

Thời kỳ 1965-1968

Đảng phát động toàn dân chống Mỹ, cứu nước, đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ ở miền Nam.

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ đã tiến hành cuộc "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam; đồng thời gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Âm mưu của đế quốc Mỹ là: 1. Chặn đứng sự phát triển của cách mạng miền Nam, cứu nguy cho chế độ Sài Gòn, tìm diệt chủ lực Quân giải phóng, giành lại thế chủ động trên chiến trường; 2. Bình định lại miền Nam, củng cố hậu phương của chúng, ổn định nguy quyền, đồng thời phá hoại hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, làm lung lay quyết tâm chống Mỹ của dân tộc ta, buộc ta phải kết thúc chiến tranh theo điều kiện của Mỹ.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11 tháng 3 năm 1965, lần thứ 12 năm 1965 đã đề ra quyết tâm chiến lược đánh Mỹ và thắng Mỹ, phát động toàn dân tiến hành cuộc chống Mỹ, cứu nước.

Đảng đã chỉ đạo quân và dân miền Nam liên tiếp bẻ gãy các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của Mỹ - nguy. Sau trận đọ sức trực tiếp đầu tiên với quân Mỹ ở Núi Thành (Quảng Nam) tháng 5-1965, ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) tháng 8-1965 thắng lợi, một cao trào đánh Mỹ diệt Nguy đã dấy lên mạnh mẽ khắp chiến trường miền Nam. Mọi cố gắng điên cuồng của đế quốc Mỹ trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965-1966) và thứ hai (1966-1967) đều lần lượt thất bại. Đến mùa mưa 1967 chúng phải chuyển sang chiến lược phòng ngự đề phòng các trận đánh lớn của ta. 80% đất đai miền Nam nằm dưới quyền kiểm soát của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Phong trào đấu tranh chính trị tiếp tục phát triển quyết liệt ở hầu khắp các thành thị.

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã chủ trương chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng cuộc Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa, giáng một đòn quyết liệt vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã nổ ra vào dịp Tết Mậu Thân (cuối

tháng 1 đầu tháng 2-1968) ở Sài Gòn và 64 thành phố, thị xã, thị trấn khác trên toàn miền Nam. Cuộc tập kích chiến lược này đã làm cho thế chiến lược của Mỹ bị đảo lộn, ý chí xâm lược của chúng bị lung lay, Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt không điều kiện ném bom miền Bắc, chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pari. Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của cách mạng miền Nam, song về sau ta cũng bị những tổn thất về địa bàn và lực lượng do có sai lầm trong đánh giá tình hình, chỉ đạo xác định mục tiêu và chỉ đạo thực hiện Tổng công kích và Tổng khởi nghĩa ...

Thời kỳ 1969-1975

Đảng chỉ đạo đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Từ năm 1969, Mỹ thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh". Thực chất là sử dụng quân nguy với trang bị vũ khí và sự yểm trợ của không quân, hải quân Mỹ để tiếp tục chiến tranh xâm lược thực dân mới, rút dần quân Mỹ về nước.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 18 (1-1970) chủ trương kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, tiếp tục phát triển chiến lược tiến công, đồng thời ra sức xây dựng mọi mặt, chú trọng công tác hậu cần, đánh bại âm mưu xuống thang từng bước và kéo dài chiến tranh của Mỹ, đề phòng việc "Đông Dương hoá chiến tranh" của chúng.

Đảng đã chỉ đạo cách mạng miền Nam trong hai năm 1970-1971 tiếp tục giữ vững và phát triển lực lượng, đồng thời từng bước đánh bại âm mưu "Đông Dương hoá chiến tranh" của chúng. Mùa xuân 1972, Đảng chỉ đạo thực hiện cuộc tiến công chiến lược, tiến công địch mạnh mẽ ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ để buộc địch phải chấm dứt chiến tranh, thương lượng ở thế thua, Mỹ phải "Mỹ hoá" trở lại cuộc chiến tranh Việt Nam, ném bom trở lại miền Bắc, song không cứu vãn được tình thế. Ngày 27-1-1973, Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam và rút quân về nước.

Sau Hiệp định Pari, do Mỹ và tay sai tiếp tục chiến tranh, phá hoại Hiệp định nên Đảng chủ trương nắm vững thời cơ, giữ vững chiến lược tiến công, phát triển thực lực, tiến tới giải phóng miền Nam. Nhận thấy thế và lực của ta đã hơn địch, ta có thời cơ chiến lược để giải phóng miền Nam. Hội nghị Bộ Chính trị 1-1975 đã hạ quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc theo kế hoạch hai năm 1975-1976. Nếu thời cơ thuận lợi đến thì quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Đảng đã chỉ đạo chọn Tây Nguyên làm chiến trường trọng điểm và mở chiến dịch Tây Nguyên bắt đầu bằng cuộc tấn công thị xã Buôn Ma Thuột (10-3-1975), tiến tới giải phóng Tây Nguyên gây sự hoảng loạn chiến lược cho địch. Tiếp đó đã mở Chiến dịch Huế - Đà Nẵng giải phóng Huế (25-3-1975) và Đà Nẵng (29-3-1975). Ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị quyết định giải phóng Sài Gòn trước tháng 5-1975, chỉ đạo tập trung mọi lực lượng cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng này. Ngày 9-4-1975, Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Chiến dịch Hồ Chí Minh mở màn và đến trưa ngày 30-4-1975 kết thúc thắng lợi. Đến ngày 2-5-1975, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và địa phương cuối cùng của miền Nam là đảo Phú Quốc đã hoàn toàn được giải phóng, Tổ quốc ta được thống nhất.

Tóm lại, từ tháng 7-1954 đến tháng 4-1975, trên cơ sở phương hướng chiến lược, đường lối chung đúng đắn, Đảng ta đã nêu cao quyết tâm hành động, tìm tòi sáng tạo trong phương pháp cách mạng, chỉ đạo linh hoạt cuộc cách mạng miền Nam, đánh thắng địch từng bước, làm thất bại từng chiến lược chiến tranh xâm lược của Mỹ, cuối cùng thực hiện cuộc Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa mùa Xuân năm 1975 giành thắng lợi hoàn toàn.

Câu 21: Đặc điểm tình hình và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam đề ra (9-1960)?

1. Đặc điểm tình hình và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc

Đặc điểm của miền Bắc khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội gồm:

Một là: Miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ cá thể.

Hai là: Đất nước ta đang tạm thời chia cắt làm hai miền do âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai.

Trước tình hình đó, đòi hỏi Đảng ta phải có đường lối kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng.

Ba là: Các nước chủ nghĩa xã hội đang phát triển, sự hợp tác phân công trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đã hình thành và phát triển, đồng thời cũng phát sinh những hiện tượng bất đồng phức tạp.

Trong ba đặc điểm ấy, đặc điểm to lớn của cách mạng nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

2. Đại hội xác định đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc

Sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để: thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thương nghiệp nhỏ, và công thương nghiệp tư bản tư doanh. Xây dựng lực lượng sản xuất, cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, thực hiện công nghiệp hoá bằng cách ưu tiên phát triển

công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hoá và kỹ thuật.

Những mục tiêu phải đạt tới là: Đưa nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hoá, khoa học tiên tiến.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt, nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất, tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ chế độ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ tình trạng kinh tế rời rạc, lạc hậu, xây dựng thành một nền kinh tế cân đối và hiện đại, làm cho miền Bắc mau chóng thành cơ sở ngày càng vững mạnh cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà.

Câu 22: Đặc điểm, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và những bài học kinh nghiệm của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

1. Đặc điểm

a) Đây là cuộc chiến tranh lâu dài, quyết liệt được tiến hành trong hoàn cảnh:

- Ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược thực dân cũ của đế quốc Pháp, đã giành được thắng lợi oanh liệt ở Điện Biên Phủ. Đảng và nhân dân ta đã có những kinh nghiệm và có lực lượng vũ trang khá lớn mạnh.

- Tuy lúc đầu ở miền Nam, lực lượng của ta còn chưa mạnh, song ta có miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội làm hậu phương, căn cứ địa cho cả nước.

- Có sự giúp đỡ ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và nhân dân thế giới.

b) Là cuộc chiến đấu không cân sức giữa hai quốc gia có tiềm lực kinh tế, quân sự khác nhau

- Là tiêu điểm của cuộc đọ sức đầu lịch sử giữa hai hệ thống xã hội, hai hệ tư tưởng đối nghịch nhau không dễ thoả hiệp, không dễ chấp nhận thất bại, nên nó mang tính chất thời đại.

- Ta chống Mỹ trong hoàn cảnh đất nước bị chia làm hai miền, nên vừa phải giải quyết những vấn đề của chiến tranh lại vừa giải quyết những vấn đề về kinh tế, phải tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng nhằm vào một mục tiêu chung trước mắt là thống nhất Tổ quốc.

2. Ý nghĩa lịch sử

Đối với nước ta: Đã quét sạch được quân xâm lược ra khỏi đất nước, kết thúc cuộc chiến tranh cách mạng kéo dài gần một phần ba thế kỷ (1945-1975), đồng thời kết thúc hơn một thế kỷ (1858-1975) đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới của hai đế

quốc lớn là Pháp và Mỹ; đưa lại độc lập, thống nhất, hòa bình cho dân tộc, kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước; mở ra một thời kỳ mới: cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Đối với thế giới: Đã đánh bại một cuộc chiến tranh tàn bạo, ác liệt, có quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai; làm phá sản liên tiếp nhiều học thuyết và thủ đoạn chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, phá vỡ một mắt xích quan trọng và mạnh nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở Đông - Nam Á, góp phần làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ, mở ra sự sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới, góp phần thúc đẩy phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình thế giới. Đây là một thắng lợi đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.

3. Những nhân tố thắng lợi

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố tạo nên:

- Cuộc kháng chiến của ta vì chính nghĩa và có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, người đại biểu trung thành cho những lợi ích sống còn của dân tộc.

- Quân dân cả nước với tinh thần yêu nước, bất khuất, chịu đựng mọi hy sinh, gian khổ, chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc, đặc biệt là sự đấu tranh quyết liệt một mất một còn của đồng chí, đồng bào miền Nam "Thành đồng của Tổ quốc".

- Công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giành được nhiều thắng lợi làm cho miền Bắc giữ vững được vai trò căn cứ địa của cả nước, hậu phương lớn đối với cách mạng miền Nam, chi viện có hiệu quả cho quân dân miền Nam trực tiếp đánh bại giặc Mỹ và tay sai, đồng thời đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ tiến hành đối với miền Bắc.

- Sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia và sự giúp đỡ, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của nhân dân tiến bộ trên thế giới trong đó có cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

4. Những bài học kinh nghiệm

- Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng hướng vào một mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước, hoàn thành thống nhất Tổ quốc, hướng cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Hết sức coi trọng việc xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam, đồng thời ra sức tổ chức, xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước. Lực lượng cách mạng bao gồm tổ chức Đảng, chính quyền cách mạng, Mặt trận dân tộc với khối liên minh công - nông làm nền tảng, lực lượng vũ trang với ba thứ quân và đội quân chính trị quần chúng... Biết dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ mọi sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế.

- Phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo (đó là sử dụng bạo lực cách mạng tổng hợp bao gồm lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân...); nắm vững phương châm chiến lược đánh lâu dài, đồng thời biết tạo ra thời cơ và nắm vững thời cơ mở những cuộc tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tiến công và nổi dậy đồng loạt, giành thắng lợi hoàn toàn. Đó là chiến lược tổng hợp và nghệ thuật quân sự của chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân Việt Nam.

- Có sự chỉ đạo và tổ chức chiến đấu tài giỏi của các cấp bộ đảng và các cấp chỉ huy quân đội.

Câu 23: Những thành quả và ý nghĩa của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc từ năm 1954 đến năm 1975 ?

Phân tích thành quả và những hạn chế của miền Bắc trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1954 đến năm 1975 không thể tách rời bối cảnh lịch sử của đất nước và quốc tế.

1. Thành quả và những hạn chế của miền Bắc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1954 đến năm 1975

- Đã xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Đến năm 1975, trong khu vực sản xuất vật chất, 99,7% tài sản cố định đã thuộc về kinh tế xã hội chủ nghĩa, tăng 5,1 lần so với năm 1955. Trong công nghiệp, đã có những cơ sở đầu tiên của các ngành công nghiệp nặng quan trọng như: điện, than, cơ khí, hoá chất, luyện kim... Một số ngành công nghiệp nhẹ đã được xây dựng.

Trong nông nghiệp, nhiều công trình thuỷ lợi được xây dựng, bảo đảm tưới, tiêu cho hàng chục vạn héc-ta đất canh tác. Quá nửa số hợp tác xã nông nghiệp đã được trang bị máy móc nhỏ. Đã có những cố gắng bước đầu trong việc áp dụng một số thành tựu mới về khoa học - kỹ thuật. Những cố gắng nói trên đã tạo ra cho nông nghiệp những chuyển biến lớn: tăng năng suất và tăng vụ, đảm bảo lương thực, thực phẩm trong chiến tranh.

- Cơ cấu xã hội - giai cấp đã có sự thay đổi lớn. Các giai cấp bóc lột đã bị xoá bỏ. Giai cấp công nhân đã trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Giai cấp nông dân đã trở thành giai cấp nắm giữ quyền sở hữu tập thể tư liệu sản xuất chủ yếu - ruộng đất. Khối liên minh công nông được củng cố trên cơ sở mới. Tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa được tăng cường. Xã hội miền Bắc đã trở thành xã hội của những người lao động bình đẳng. Các thành phần dân tộc chung sống trên tinh thần đoàn kết, hoà hợp dân tộc vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội ngày càng được củng cố.

- Sự nghiệp giáo dục, văn hoá, y tế phát triển nhanh

Tính đến đầu năm 1975, cứ 3 người, có một người đi học. Đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và cán bộ quản lý có trình độ trên đại học, đại học và trung học chuyên nghiệp hơn 43 vạn người, tăng 19 lần so với năm 1960. Mạng lưới y tế được mở rộng. Số bác sĩ, y sĩ tăng 13,4 lần so với năm 1960. Hoạt động văn hoá, nghệ thuật cũng phát triển trên nhiều mặt với nội dung phong phú, góp phần xây dựng cuộc sống mới và con người mới trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm chiến tranh, sản xuất vẫn được duy trì, có mặt tiếp tục phát triển. Những nhu cầu thiết yếu về đời sống của nhân dân được bảo đảm. Đói rét, dịch bệnh không xảy ra, an ninh chính trị và trật tự xã hội được giữ vững. Tuy mức sống còn thấp và có nhiều khó khăn, nhưng mọi người đều vững lòng tin tưởng và tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Và còn thực hiện xuất sắc vai trò hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, đóng góp sức người sức của cùng nhân dân miền Nam đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, đồng thời hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia. Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng (1976) đã đánh giá: "Miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước với toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa và đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước, xứng đáng là pháo đài vô địch của chủ nghĩa xã hội".

Đặt vào hoàn cảnh lịch sử lúc đó, thì những thành tựu mà nhân dân ta đã đạt được là rất lớn.

Song, nền kinh tế miền Bắc cũng bộc lộ những khó khăn, yếu kém. Sau hơn 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế miền Bắc còn mang nặng tính chất sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thấp kém, 80% lực lượng lao động xã hội vẫn là lao động thủ công. Năng suất lao động rất thấp. Tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân chưa bảo đảm được nhu cầu cơ bản của đời sống nhân dân và nhu cầu tích lũy để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tình hình đó cộng với nhịp độ dân số tăng nhanh (gấp đôi so với 20 năm trước) làm cho nền kinh tế gặp khó khăn gay gắt.

Nguyên nhân khó khăn: xuất phát từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến đi lên chủ nghĩa xã hội, lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh ác liệt, quy mô lớn kéo dài.

Đảng ta đã phạm những thiếu sót, khuyết điểm bắt nguồn từ nhận thức còn giản đơn, nóng vội, duy ý chí, chịu ảnh hưởng của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước khác, không tính toán đầy đủ đến hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của nước ta, muốn đi nhanh lên chủ nghĩa xã hội, muốn xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế khác trong khi sản xuất còn thấp kém, ngăn chặn sự phát triển kinh tế hàng hoá.

Những thiếu sót, khuyết điểm trên còn bắt nguồn sâu xa từ những thiếu sót chung của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới thời chiến tranh lạnh với mô hình nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp, phi thị trường.

2. Ý nghĩa của thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1954-1975

- Khẳng định chủ trương đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội ngay sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng là phù hợp với yêu cầu phát triển của cách mạng miền Bắc và yêu cầu phát triển chung của cách mạng cả nước. Điều đó đã chứng minh tính đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta trong việc đề ra và chỉ đạo đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Với tiềm lực của mình, miền Bắc đã xứng đáng là căn cứ địa của cách mạng cả nước, làm tròn nhiệm vụ của hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam.

Câu 24: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đã kiểm điểm, đánh giá thành tựu và thiếu sót, khuyết điểm của 10 năm (1975-1986) đưa đất nước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa như thế nào?

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) là đại hội mở đầu quá trình đổi mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Với thái độ khách quan khoa học, "nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật", Đại hội đã đánh giá đúng thực trạng của đất nước, từ đó xác định các mục tiêu, bước đi và nhiệm vụ cách mạng trước mắt, tiếp tục đưa cách mạng nước ta tiến lên trên con đường xã hội chủ nghĩa.

Đánh giá thành tựu và thiếu sót:

1. Về thành tựu

Từ điểm xuất phát rất thấp về kinh tế, lại chịu hậu quả chiến tranh lâu dài, nhân dân ta phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, vừa thực hiện nhiệm vụ dân tộc, vừa làm nghĩa vụ quốc tế. Trong hoàn cảnh đó nhân dân ta đã anh dũng phấn đấu khắc phục khó khăn, đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp đã ngăn chặn được đà giảm sút của những năm 1979 - 1980. Từ năm 1981 đã đạt được nhiều tiến bộ rõ rệt. Nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,9% so với 1,9% hàng năm của thời kỳ 1976-1980. Sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, mức bình quân hàng năm từ 13,4 triệu tấn thời kỳ 1976-1980 đã tăng lên 17 triệu tấn trong thời kỳ 1981 - 1985. Sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 9,5%. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm 6,4% so với 0,4% thời kỳ 1976-1980.

Về xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật đã hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn và hàng ngàn công trình vừa và nhỏ, trong đó có một số cơ sở quan trọng về điện, dầu khí, xi-măng, cơ

khí, thuỷ lợi, giao thông. Các công trình thuỷ điện Hoà Bình, Trị An đã được xây dựng.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, đã áp dụng những thành tựu về khoa học, kỹ thuật, thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động trong nông nghiệp, đã góp phần quan trọng tạo nên bước phát triển của nông nghiệp, mở ra phương hướng đúng đắn cho việc xây dựng quan hệ kinh tế ở nông thôn.

Các ngành kinh tế đã thu hút thêm 4 triệu lao động. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, văn học nghệ thuật phát triển và có đóng góp nhất định vào việc xây dựng nền văn hoá mới, con người mới. Các hoạt động khoa học, kỹ thuật được triển khai góp phần thúc đẩy sản xuất. Nhanh chóng thực hiện thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, củng cố nhà nước xã hội chủ nghĩa trong cả nước, tiến hành cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và làm nghĩa vụ quốc tế giành được những thắng lợi to lớn.

Công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân đã đạt được kết quả đáng kể. Sự tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa phát triển, quan hệ hữu nghị với các nước độc lập dân tộc, các lực lượng tiến bộ và hoà bình đã có bước phát triển mới.

2. Về khó khăn, khuyết điểm

Thực trạng kinh tế - xã hội của nước ta đang đứng trước những khó khăn to lớn: sản xuất tăng chậm so với yêu cầu và khả năng vốn có của nền kinh tế, hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp, năng suất lao động giảm, chất lượng sản phẩm sút kém.

Những mất cân đối lớn của nền kinh tế giữa cung và cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng... giữa thu và chi, giữa sản xuất và nhập khẩu chậm được thu hẹp, có mặt còn gay gắt hơn trước.

- Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố. Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh suy yếu. Các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa chưa được cải tạo và sử dụng tốt.

- Đời sống nhân dân, nhất là công nhân viên chức còn nhiều khó khăn. Nhiều người lao động chưa có việc làm. Nhiều nhu cầu chính đáng, tối thiểu của nhân dân về đời sống vật chất và văn hoá chưa được bảo đảm.

- Hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm. Pháp luật, kỷ cương không nghiêm. Những hành vi lạm quyền, tham nhũng, những hoạt động của bọn làm ăn phi pháp... chưa bị trừng trị nghiêm khắc và kịp thời.

Thực trạng nói trên làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và của các cơ quan nhà nước. Trong các nghị quyết tiếp theo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) Đảng ta đã chỉ rõ thêm thực trạng đất nước trong nhiều năm qua đã lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội.

3. Về nguyên nhân của tình hình nói trên

Đại hội chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm trong hoạt động của Đảng và Nhà nước và phân tích những nguyên nhân dẫn đến sai lầm.

Những sai lầm, khuyết điểm trong việc đánh giá tình hình, chưa nhận thức được đầy đủ thời kỳ quá độ là một quá trình lịch sử tương đối dài phải trải qua nhiều chặng đường. Còn chủ quan, nóng vội muốn bỏ qua những bước đi cần thiết. Sai lầm trong việc bố trí cơ cấu kinh tế thiên về công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng. Biểu hiện nóng vội trong việc xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, không thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta. Duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, không thừa nhận nền kinh tế hàng hoá. Còn nhiều sai lầm trên lĩnh vực phân phối, lưu thông. Còn sai lầm trong việc phát huy sức mạnh của nhà nước xã hội chủ nghĩa trong việc quản lý đất nước...

Đại hội cũng chỉ ra rằng: "Khuyh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm nói trên là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội; là khuyh hướng buông lỏng quản lý kinh tế - xã hội. Đó là những biểu hiện của tư tưởng tiểu tư sản vừa "tả" khuyh, vừa hữu khuyh.

Những sai lầm và khuyết điểm trong lĩnh vực kinh tế xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong công tác tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng ta".

Câu 25: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991) đã đánh giá về quá trình thực hiện đổi mới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội ở nước ta trong những năm 1987 - 1991 như thế nào?

Từ năm 1987-1991 là thời gian có nhiều thử thách đối với Đảng và nhân dân ta. Đứng trước cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội của đất nước và diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, Đảng ta đã kiên trì đường lối đổi mới, đề ra và lãnh đạo nhân dân ta thực hiện có kết quả một số chủ trương, chính sách lớn về đổi mới và đối ngoại, mở ra hướng phát triển mới của đất nước.

1. Về đánh giá thành tựu

Đại hội đã nêu ra nhận định: "tổng quát lại, sau hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng".

Về kinh tế - xã hội: đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc thực hiện ba chương trình kinh tế (lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu). Về lương thực - thực phẩm: đã vượt lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân. Hàng tiêu dùng có bước phát triển mới cả về sản xuất và lưu thông. Hàng hoá đa dạng và lưu thông tương đối thuận tiện, có tiến bộ về chất lượng. Kinh tế đối ngoại được mở rộng cả về quy mô và hình thức: Kim ngạch xuất khẩu tăng. Đã giảm được mức độ nhập siêu trước đây.

Có chuyển biến tích cực trong việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư và bố trí lại cơ cấu kinh tế. Nhiều công trình công nghiệp nặng quan trọng được khởi công từ những năm trước đã được đưa vào sử dụng. Đã hình thành một số ngành sản xuất mới có triển vọng tốt như dầu khí, công nghiệp lắp ráp hàng điện tử... Nhiều loại hình, nhiều tổ chức kinh doanh, sản xuất, dịch vụ mới ra đời và phát

triển nhanh góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hoá và phục vụ đời sống nhân dân.

Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, đã góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy tiềm năng sáng tạo, giải phóng năng lực sản xuất trong xã hội.

Đã kiểm chế được một bước đà lạm phát. Giá trị đồng tiền Việt Nam được tăng lên, sức mua của nhân dân được khôi phục dần.

Khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển và bước đầu phát huy được vai trò động lực trong việc phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường nghiên cứu ứng dụng, góp phần phát triển sản xuất.

Kết quả của quá trình đổi mới kinh tế nói trên đã góp phần quan trọng trong việc ổn định đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, mặc dầu còn nhiều khó khăn.

Về chính trị: "tình hình chính trị ổn định", tuy vậy, vẫn còn những nhân tố có thể gây mất ổn định không thể xem thường.

Sự ổn định chính trị nói trên bắt nguồn từ truyền thống yêu nước và kinh nghiệm lịch sử của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là kết quả tổng hợp của những tiến bộ bước đầu về kinh tế, đời sống, về thực hiện dân chủ hoá xã hội, cùng với những thành tựu trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại... đã góp phần quan trọng trong việc củng cố niềm tin của nhân dân ta vào tiền đề của chủ nghĩa xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng ta. Đó là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm sự ổn định chính trị trước những tác động phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước.

Tuy vậy, chúng ta phải đề cao cảnh giác không thể xem thường những nhân tố trong nước và ngoài nước có thể gây mất ổn định. Đảm bảo tình hình chính trị nước ta luôn ổn định, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Về văn hoá, giáo dục và y tế: mặc dầu còn nhiều khó khăn, song đã đạt được một số tiến bộ đáng kể.

Các mặt quốc phòng, an ninh, đối ngoại đạt được những thành tựu quan trọng: Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được bảo đảm. Từng bước phá thế bao vây về kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo ra môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những thành tựu nói trên tuy là bước đầu nhưng rất quan trọng, bởi vì nhân dân ta đã đạt được các thành tựu nói trên trong điều kiện trong nước có những khó khăn gay gắt, quốc tế có những diễn biến phức tạp và chủ nghĩa đế quốc tiếp tục bao vây, cấm vận và

chống phá cách mạng nước ta. Mặt khác, những thành tựu nói trên chứng tỏ rằng: đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp. Qua thực tiễn, chúng ta có thêm những nhận thức mới và kinh nghiệm quan trọng về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm nước ta. Đó là cơ sở rất quan trọng để chúng ta tiếp tục tiến lên.

2. Về khó khăn, yếu kém và khuyết điểm

Đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; công cuộc đổi mới còn có những mặt hạn chế, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết. Đáng chú ý là những vấn đề lớn sau đây:

- Lạm phát còn ở mức cao, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài, lao động thiếu việc làm tiếp tục tăng lên.

- Chế độ lương quá bất hợp lý, đời sống của người ăn lương hoặc trợ cấp xã hội và một bộ phận nhân dân bị giảm sút. Tốc độ tăng dân số còn cao.

- Sự nghiệp văn hoá, xã hội có những mặt tiếp tục xuống cấp.

- Tình trạng tham nhũng, bất công xã hội chưa giải quyết được nhiều; lối sống thực dụng, mê tín dị đoan phát triển.

- Tình trạng vi phạm dân chủ còn nhiều. Việc thực hiện kỷ cương, pháp luật chưa nghiêm.

- An ninh, trật tự và an toàn xã hội còn phức tạp. Vẫn có những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị không thể xem thường.

- Bộ máy đảng, nhà nước và các đoàn thể nhân dân còn cồng kềnh, phong cách làm việc còn quan liêu, kém hiệu lực.

- Không ít cán bộ, đảng viên không đủ phẩm chất và năng lực đảm đương nhiệm vụ, thậm chí thoái hoá biến chất, không được quần chúng tín nhiệm.

Đại hội cũng chỉ ra rằng: nguyên nhân của những mặt khó khăn, yếu kém nói trên có phần là do hậu quả của nhiều năm trước đây để lại và là khó khăn của quá trình đi lên, vừa do những tác động bất lợi của tình hình thế giới. Song, cần nhấn mạnh những khuyết điểm chủ quan trong sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước: chưa kịp thời đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới; khuyết điểm về công tác tổ chức cán bộ, về nâng cao chất lượng đảng viên; thiếu kiến thức và kinh nghiệm quản lý, còn nhiều thiếu sót, sơ hở trong quản lý, điều hành các mặt của đời sống kinh tế - xã hội...

Đánh giá đúng thành tựu và khó khăn, khuyết điểm, chỉ ra những bài học kinh nghiệm của hơn bốn năm thực hiện đường lối đổi mới là cơ sở quan trọng để Đảng ta và nhân dân ta phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt những mục tiêu kinh tế - xã hội trong 5 năm tới do Đại hội VII đề ra.

Câu 26: Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"?

1. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng:

- Chủ nghĩa xã hội là một xã hội do nhân dân làm chủ.
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Quan niệm trên đây về chủ nghĩa xã hội được nêu trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội", vừa thể hiện những đặc trưng cơ bản có tính chất phổ biến, vừa thể hiện những nét đặc thù của Việt Nam. Khi kết thúc thời kỳ quá độ, các đặc trưng này đã hình thành nhưng chưa hoàn chỉnh, trong chủ nghĩa xã hội sẽ được hoàn thiện ngày càng đầy đủ hơn.

2. Phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"

- Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản Việt Nam

lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

- Phù hợp với sự phát triển lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

- Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức đạo đức thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng văn hoá phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách hoà bình, hợp tác phát triển và hữu nghị với tất cả các nước. Trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả lực lượng đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng.

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản có sứ mệnh lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là vấn đề có tính nguyên tắc của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, có cội nguồn lịch sử sâu xa và logic tất yếu của quá trình vận động cách mạng Việt Nam từ năm 1930. Phản đối chủ trương đòi "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập". Vấn đề cốt yếu là xây dựng Đảng vững mạnh, trong sạch ngang tầm với nhiệm vụ mới, bảo đảm cho Đảng làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Các phương hướng cơ bản nói trên vừa mang tính nguyên tắc, bảo đảm không chệch hướng xã hội chủ nghĩa, vừa quán triệt tinh thần đổi mới, không lặp lại những sai lầm cũ. Đây là những giải pháp cơ bản bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thắng lợi.

Câu 27: Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và 10 năm đổi mới (1986-1996)

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới từ năm 1986 tức từ Đại hội Đảng lần thứ VI đến năm 1995 là những năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VII, đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng sau đây:

Một là, đẩy mạnh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1991-1995).

Trong 5 năm 1991-1995, nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm về tổng sản phẩm trong nước (GDP) là 8,2%; về sản xuất công nghiệp là 13,3%, sản xuất nông nghiệp là 4,5%; về kim ngạch xuất khẩu là 20%. Đầu tư cơ bản toàn xã hội bằng nguồn vốn trong và ngoài nước năm 1990 chiếm 15,8% GDP, năm 1995 là 27,4% GDP. Nước ta đã bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Lương thực không những đủ ăn mà mỗi năm còn xuất khẩu được bình quân 2 triệu tấn gạo. Lạm phát giảm từ 67,1% năm 1991 xuống còn 12,7% năm 1995.

Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng.

Hai là, tạo ra được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội. Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện. Số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu ngày một tăng lên, số hộ nghèo giảm. Mỗi năm có thêm một triệu lao động có việc làm.

Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân được nâng lên. Dân chủ được phát huy. Lòng tin của nhân dân vào chế độ và tiền đồ đất nước, vào Đảng và Nhà nước tăng thêm.

Ba là, giữ vững được chính trị ổn định, quốc phòng và an ninh được củng cố.

Đảng ta chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ và quan điểm chỉ đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thế trận quốc

phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố. Công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được tăng cường.

Bốn là, thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị.

Trên cơ sở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã từng bước cụ thể hoá đường lối đổi mới trên các lĩnh vực, củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội. Đã ban hành Hiến pháp mới năm 1992; sửa đổi bổ sung và ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng, cải cách một bước nền hành chính quốc gia. Hoạt động của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể có những đổi mới và tiến bộ hơn.

Năm là, phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, cấm vận; tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế, nâng cao vị thế của nước ta trên thế giới: Nước ta có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước.

Như vậy, công cuộc đổi mới trong 10 năm (1986-1995) đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII của Đảng đề ra cho 5 năm 1991-1995 đã hoàn thành về cơ bản. Tuy một số mặt còn chưa vững chắc nhưng nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã hội đủ những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Câu 28: Những bài học chủ yếu của 10 năm đổi mới là gì?

Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm (1986-1995), Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã nêu những bài học chủ yếu sau đây:

Một là, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

Hai là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Phát huy dân chủ, khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân đồng thời chống mọi khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Dứt khoát bác bỏ mọi thủ đoạn lợi dụng "dân chủ", "nhân quyền" nhằm gây rối chính trị, chống phá chế độ, can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta. Không chấp nhận đa nguyên, đa đảng.

Ba là, xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Bốn là, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc. Phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Năm là, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Việc mở rộng quan hệ đối ngoại phải dựa trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, giữ gìn, phát huy bản sắc và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Sáu là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Đảng ta phải luôn luôn tự đổi mới và chỉnh đốn. Củng cố và xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ. Tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong gương mẫu của đảng viên. Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Đối với một Đảng cộng sản cầm quyền hoạt động trong nền kinh tế thị trường lại có sự tác động của những thủ đoạn diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch từ bên ngoài thì việc luôn luôn cảnh giác với hai nguy cơ là chệch hướng và tha hoá biến chất của đội ngũ dẫn đến xa dân phải được coi là một nhiệm vụ thường xuyên có ý nghĩa sống còn đối với vai trò lãnh đạo của Đảng.

Câu 29: Những thành tựu và bài học sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng (1995-2000)

Trong 5 năm - từ 1995 đến 2000 - sự nghiệp đổi mới được tiếp tục triển khai mạnh mẽ cả về bề rộng lẫn chiều sâu và cũng đã thu được nhiều thành tựu quan trọng cả về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, v.v.. Nhìn chung cả thế và lực của cách mạng nước ta vẫn không ngừng được củng cố và tăng cường vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế vẫn được nâng cao, ổn định chính trị và an ninh quốc phòng vẫn được giữ vững. Mặc dù đã phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức của thiên tai, của tác động khủng hoảng tiền tệ trong khu vực và của cả những nhược điểm và thiếu sót chủ quan v.v. dẫn đến giảm nhịp độ tăng trưởng về kinh tế.

Những thành tựu và bài học của 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII (1995-2000) cũng như những thành tựu và bài học của 15 năm đổi mới kể từ Đại hội Đảng lần thứ VI, lần thứ VII đến Đại hội lần thứ VIII, đang được Đảng ta tổng kết một cách đầy đủ và toàn diện để chuẩn bị cho Đại hội IX khi đất nước bước vào thiên niên kỷ mới.

Câu 30: Phân tích nội dung cơ bản và ý nghĩa của bài học kinh nghiệm nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội?

1. Nội dung của bài học kinh nghiệm:

a) Bài học kinh nghiệm nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một bài học quan trọng mà Đảng ta giải quyết đúng đắn, sáng tạo phù hợp với những điều kiện lịch sử của thời đại mới về mối quan hệ:

- Giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp;

- Giữa con đường giải phóng dân tộc với con đường giải phóng giai cấp công nhân và những người lao động bị áp bức, bóc lột.

b) Đường lối đó đã được Đảng ta thực hiện một cách đúng đắn, sáng tạo qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng

- Thời kỳ Bác Hồ tìm đường cứu nước và chuẩn bị vận động thành lập Đảng:

+ Trong thời đại mới, sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc chỉ có thể gắn liền với cuộc cách mạng vô sản vai trò lãnh đạo là giai cấp công nhân. Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản" và "chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên toàn thế giới khỏi ách nô lệ".

+ Trong "Chính cương vắn tắt", "Sách lược vắn tắt", "Luận cương chính trị" đều xác định: cách mạng Việt Nam, trước hết là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sau đó là cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Mục đích cuối cùng là xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

- Thời kỳ cả nước thực hiện một chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1945):

Trong thời kỳ này, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là mục tiêu trực tiếp, còn cách mạng xã hội chủ nghĩa mới chỉ là phương hướng, là triển vọng tiến lên của cách mạng Việt Nam.

Đặt cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phương hướng, triển vọng tiến lên chủ nghĩa xã hội sẽ quy định tính triệt để của cuộc cách mạng đó, vì cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng ta tiến hành là cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, thuộc phạm trù cách mạng vô sản. Đó là điều kiện cơ bản để thực hiện cách mạng không ngừng từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Thời kỳ cả nước tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng (1945-1975):

+ Tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng là một hình thái độc đáo, sáng tạo của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có tác dụng quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng cả nước, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp đánh đuổi đế quốc Mỹ giải phóng miền Nam.

+ Nhờ kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và xác định đúng vị trí và nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền, Đảng ta đã phát huy được sức mạnh của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và miền Nam để đánh Mỹ và thắng Mỹ, xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, hoàn thành sự nghiệp thống nhất Tổ quốc. Đường lối chiến lược giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho phép Đảng ta kết hợp được sức mạnh của dân tộc ta với sức mạnh của thời đại tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

- Thời kỳ cả nước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa (từ 1975 đến nay):

+ Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Năm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ này vẫn là đường lối chiến lược cơ bản của Đảng ta. Vì cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội vẫn phải tiếp tục giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với dân tộc...

+ Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội từ đây gắn chặt với nhau. Độc lập dân tộc là điều kiện để nhân dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang lại đời sống ngày càng tự do, ấm no, hạnh phúc, văn minh, là điều kiện để bảo vệ và củng cố nền độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay.

2. Ý nghĩa, bài học kinh nghiệm

- Năm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một bài học kinh nghiệm lớn, có tính chất bao trùm của Đảng ta vì:

+ Từ khi có Đảng, đường lối đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử cách mạng Việt Nam.

+ Là ngọn cờ bách chiến bách thắng của cách mạng Việt Nam.

+ Với đường lối cơ bản này, Đảng ta đã giải quyết thắng lợi một loạt vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Cho phép Đảng ta khơi dậy được sức mạnh của quá khứ, của hiện tại, của tương lai, sức mạnh của dân tộc ta với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn để xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh.

Câu 31: Nội dung và ý nghĩa của bài học kinh nghiệm tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế ?

1. Nội dung của bài học kinh nghiệm:

- Cơ sở lý luận của bài học này là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ gắn bó giữa đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng mở ra khả năng thực hiện đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

- Đây là một vấn đề chiến lược, là một nhân tố quan trọng quyết định thành công của cách mạng nước ta. Vì vậy, trong mọi thời kỳ vận động cách mạng, Đảng ta đã nhận thức và quán triệt tư tưởng đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong đường lối chiến lược và sách lược của mình.

+ Trong cương lĩnh đầu tiên, Đảng ta đã chỉ rõ: cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, ủng hộ Liên bang Xôviết, liên kết với giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp và đoàn kết với phong trào cách mạng thuộc địa, và nửa thuộc địa nhất là Trung Quốc và Ấn Độ...

+ Trong thời kỳ 1930 đến 1945, Đảng ta không ngừng xây dựng và củng cố khối đoàn kết dân tộc qua các mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở khối liên minh công nông vững chắc. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả của đường lối đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của Đảng.

+ Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng ta đã huy động được sức mạnh to lớn của khối đoàn kết toàn dân với khẩu hiệu "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" và khẩu hiệu "Không có gì quý hơn độc lập tự do" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế, tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa hai cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

+ Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay của nhân dân ta, vấn đề tăng cường đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế vẫn luôn luôn là một nhân tố cực kỳ quan trọng tác động đến tiến trình phát triển của cách mạng nước ta, nhất là trong tình hình các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô khủng hoảng và sụp đổ, nước ta cũng có nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội thì hơn lúc nào hết cần phải tăng cường khối đoàn kết dân tộc và đoàn kết hợp tác với tất cả các nước trên thế giới không phân biệt chế độ chính trị, xã hội, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giúp đỡ nhau, cùng có lợi. Có như vậy, thì nước ta mới vượt qua được thách thức, tận dụng được thời cơ phát triển.

2. Để tăng cường đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, kinh nghiệm lịch sử cho thấy

- Muốn thực hiện đoàn kết dân tộc phải luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân – giai cấp tiêu biểu cho lợi ích của dân tộc và lợi ích của giai cấp.

- Phải luôn luôn tôn trọng nguyên tắc "lấy dân làm gốc", coi sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân và vì dân, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, xem đây vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đoàn kết dân tộc, tạo tiền đề cho việc đoàn kết quốc tế.

- Phải luôn luôn nêu cao ý thức tự lực tự cường, tinh thần độc lập tự chủ của nhân dân ta, đồng thời ra sức tranh thủ sự đoàn kết và hợp tác, giúp đỡ quốc tế đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

- Phải thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả, coi việc tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế vừa là vì lợi ích dân tộc, vừa là nghĩa vụ của nhân dân ta đối với nhân dân các nước khác.

- Trong khi tăng cường và mở rộng đoàn kết, hợp tác quốc tế, chúng ta không được lơ là, mất cảnh giác trước những âm mưu

chống phá cách mạng thế giới và cách mạng nước ta từ phía chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế.

Câu 32: Chứng minh Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố cơ bản lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam?

- Kể từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, phát huy truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, các phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản chống Pháp rất sôi nổi. Nhưng rút cuộc các phong trào đó đều thất bại. Nguyên nhân chủ yếu là các giai cấp lãnh đạo hoặc không đủ tư cách, hoặc đã hết vai trò lịch sử.

- Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Đảng ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước, chấm dứt thời kỳ đấu tranh tự phát, chuyển sang thời kỳ đấu tranh tự giác của giai cấp công nhân. Đảng ra đời, chứng tỏ giai cấp công nhân đã trưởng thành và đủ năng lực lãnh đạo cách mạng Việt Nam, mở ra thời kỳ cách mạng Việt Nam đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam có đường lối đúng đắn và khoa học, phù hợp với quy luật của cách mạng nước ta trong thời đại mới.

- Trong lịch sử đấu tranh 70 năm qua của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng nước ta đã giành được nhiều thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược và ý nghĩa thời đại sâu sắc:

+ Vừa mới ra đời, Đảng ta phát động được Cao trào cách mạng 1930-1931, đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh.

+ Thoát ra khỏi thời kỳ thoái trào của cách mạng những năm 1932-1935, Đảng lãnh đạo nhân dân ta phát động được Cao trào vận động dân chủ 1936-1939, đòi dân sinh, dân chủ, cơm áo, hoà bình, chống phát xít, chống chiến tranh.

+ Đảng lãnh đạo nhân dân ta trong cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc trong những năm 1939-1945, làm Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, đập tan ách thống trị hơn 80 năm của thực dân Pháp và xoá bỏ chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm ở

nước ta. Thắng lợi này đã đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập tự do.

+ Đảng lãnh đạo nhân dân ta chống thù trong, giặc ngoài, khắc phục khó khăn của đất nước để giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng, tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, giải phóng miền Bắc.

+ Từ năm 1954 đến năm 1975, nhân dân ta đã giành được nhiều thành tựu to lớn ở miền Bắc và đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

+ Từ năm 1975 đến nay, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành được nhiều thành tựu quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

- Những thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược trên đây của cách mạng nước ta đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng. Đảng ta đứng ở trung tâm các sự kiện lịch sử vĩ đại của cách mạng và thực sự là nhân tố cơ bản lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Bởi vì:

+ Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, của dân tộc Việt Nam.

+ Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động nhằm giải quyết kịp thời và đúng đắn những vấn đề về chiến lược, sách lược của cách mạng nước ta.

+ Đảng là người đại diện trung thành và đầy đủ nhất lợi ích sống còn và nguyện vọng chân chính của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Đảng lấy phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân làm mục đích cao nhất của mình.

+ Đảng có truyền thống đoàn kết thống nhất, kỷ luật nghiêm minh, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, nhằm phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, đoàn kết thống

nhất toàn Đảng, chống tập trung quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, chia rẽ bè phái trong Đảng.

+ Đảng có mối liên hệ máu thịt với quần chúng. Đây là tiêu chuẩn cơ bản của một đảng cách mạng chân chính.

Đảng kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa trong sáng, tích cực ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập, tự do và tiến bộ của nhân dân các nước trên thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu quan trọng đã đạt được, cách mạng nước ta còn rất nhiều khó khăn và tồn tại, nhất là trong thời kỳ trước đổi mới. Đảng ta tự kiểm điểm là đã phạm những sai lầm khuyết điểm chủ quan, nóng vội, duy ý chí, đặc biệt là trong việc xác định chủ trương, đường lối và cả trong công tác xây dựng Đảng. Những sai lầm và khuyết điểm trên đã kéo dài và chậm sửa chữa, làm cho vai trò lãnh đạo của Đảng bị suy yếu, lòng tin của quần chúng đối với Đảng bị giảm sút so với trước.

- Đảng ta phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn về mọi mặt cho ngang tầm với nhiệm vụ.

+ Đảng phải đổi mới tư duy lý luận, nâng cao năng lực trí tuệ, đề ra cương lĩnh, đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn, có căn cứ khoa học, phù hợp với thực tiễn nước ta. Đây là vấn đề cơ bản và cốt lõi nhất và cũng là lý do tồn tại của Đảng.

+ Phải phát huy dân chủ trong Đảng, thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng.

+ Cần đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chính trị của nước ta hiện nay.

+ Làm trong sạch đội ngũ đảng viên, củng cố và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng.

+ Đổi mới công tác cán bộ của Đảng, vì "cán bộ là cái gốc của mọi công việc ... công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém".

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII đang được triển khai tích cực và đạt kết quả bước đầu là những việc làm cần thiết và có ý nghĩa rất quan trọng đối với nhiệm vụ xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh đủ sức dẫn dắt toàn Đảng toàn quân toàn dân ta tiếp tục tiến bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới lăm thách thức nhưng cũng đầy hứa hẹn.

Hướng dẫn ôn thi môn Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam

Mã số: 02.224.Đhqg-1188 . 99

In 3.000 bản, khổ 13x19cm, tại Công ty in Ba Đình Thanh
Hóa

Số xuất bản: 26/1188/CXB. Số trích ngang 33 KH/XB.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2000.